

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	9
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	9
1. Tên chủ cơ sở:	9
2. Tên cơ sở:	9
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	9
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	9
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	12
4.1. Danh mục máy móc thiết bị:	12
4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của cơ sở:	12
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:	14
5.2 Các hạng mục công trình của cơ sở:	15
5.2.1. Các hạng mục công trình chính.....	15
5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ	16
CHƯƠNG II	18
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	18
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	18
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	18
CHƯƠNG III.....	20
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	20
1.1 Thu gom, thoát nước mưa	20
1.2 Thu gom, thoát nước thải	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	33

2.1 Công trình thu gom khí thải trước khi xử lý:	33
2.2 Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt:	33
2.3 Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác	37
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	39
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	39
3.2. Chất thải sản xuất	40
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	40
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	41
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành.....	42
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	51
CHƯƠNG IV	52
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	52
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	52
1.1 Nguồn phát sinh nước thải	52
1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.....	52
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	53
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	54
CHƯƠNG V	56
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	56
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	56
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	58
CHƯƠNG VI	65
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	65
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	65
1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	65

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	65
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	66
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	66
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	67
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	67
CHƯƠNG VII.....	68
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	68
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	68
CHƯƠNG VIII.....	69
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	69
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	69
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.....	69

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Danh mục máy móc thiết bị chính của cơ sở	12
Bảng 2. Bảng tọa độ góc ranh giới dự án	14
Bảng 3: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.....	29
Bảng 4. Hóa chất, chế phẩm sử dụng trong HTXLNT.....	31
Bảng 5: Các thông số kỹ thuật của HTXL khí thải khu vực đùn ép nhựa	34
Bảng 6: Các thông số kỹ thuật của than hoạt tính	36
Bảng 7: Danh mục chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động.....	40
Bảng 8. Tổng hợp các sự cố thường gặp và cách khắc phục khi vận hành trạm xử lý nước thải	47
Bảng 9. Tổng hợp các sự cố thường gặp và cách khắc phục khi vận hành hệ thống xử lý khí thải	49
Bảng 10: Các công trình thay đổi đã được xây dựng	51
Bảng 11. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA	55
Bảng 12. Giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung	55
Bảng 13: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022.....	56
Bảng 14: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023.....	57
Bảng 15: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất đợt 1/2022	59
Bảng 16: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất đợt 2/2022	60
Bảng 17: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất đợt 3/2022	61
Bảng 18: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất đợt 4/2022	61
Bảng 19: Kết quả quan trắc khí thải tháng 9/2023	63
Bảng 20: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất tháng 10/2023	63
Bảng 21: Bảng thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm	65
Bảng 22. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu nước thải giai đoạn vận hành ổn định của công trình	65
Bảng 23. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu khí thải giai đoạn vận hành ổn định của công trình	65
Bảng 24: Tổng kinh phí dự kiến quan trắc định kỳ môi trường hàng năm	67

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy trình sản xuất bao bì jumbo bag và container bag	10
Hình 2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.....	21
Hình 3: Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt	22
Hình 4. Sơ đồ thu gom, tuần hoàn nước thải sản xuất	23
Hình 5: Sơ đồ bể tự hoại cải tiến.....	24
Hình 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải.....	26
Hình 7. Sơ đồ thu gom, tuần hoàn nước thải sản xuất	32
Hình 8: Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn kéo sợi gia nhiệt.....	33
Hình 9: Sơ đồ hoạt động của tháp hấp phụ.....	37
Hình 10. Nguyên lý thông gió nhà xưởng tự nhiên.....	38

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRSX	Chất thải rắn sản xuất
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
HTXL	Hệ thống xử lý
NĐ-CP	Nghị định/Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ-BYT	Quyết định Bộ Y tế
QĐ-TTg	Quyết định Thủ tướng chính phủ
QĐ-UBND	Quyết định Ủy ban nhân dân
QH	Quốc hội
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT-BTNMT	Thông tư- Bộ tài nguyên môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của nền kinh tế của đất nước, tốc độ phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ của tỉnh Tuyên Quang cũng tăng khá nhanh, đặc biệt là nhu cầu phát triển công nghiệp nhẹ, sản xuất, gia công các sản phẩm bao bì khác nhau.

Công ty TNHH MTV bao bì DHT được thành lập với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì. Với năng lực, khả năng đã có trong hoạt động sản xuất kinh doanh các loại bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì và nhu cầu cấp bách của thị trường về sản phẩm bao bì PP container chất lượng cao thì việc đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì là rất cần thiết.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2500418092, do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/10/2010, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 06/12/2022.

Cơ sở Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì được thực hiện tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, thôn Khuôn Ráng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương với mục tiêu Sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì, góp phần giải quyết việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương, và đóng góp cho ngân sách nhà nước. Với công suất thiết kế: 700.000 sản phẩm bao bì/năm.

Cơ sở đã được UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “*Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang*” theo quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 13/7/2020.

Thực hiện Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở thuộc mục 2, phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP nên cơ sở “*Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang*” thuộc đối tượng lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Cấu trúc và nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “*Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang*” được trình

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

bày theo quy định tại phụ lục X, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH MTV BAO BÌ DHT

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, thôn Khuôn Ráng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện: Ông Nguyễn Xuân Huyền, chức vụ: Giám đốc

- Giới tính: Nam

- Điện thoại: 0986302834.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2500418092, do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/10/2010, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 06/12/2022.

2. Tên cơ sở:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT KINH DOANH BAO BÌ PP CONTAINER VÀ THIẾT BỊ NGÀNH BAO BÌ

- Địa điểm cơ sở: Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, thôn Khuôn Ráng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 872/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tuyên Quang ngày 13 tháng 7 năm 2020.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật của đầu tư công): Cơ sở nhóm B với tổng mức đầu tư 45.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng).

- Tổng diện tích đất sử dụng 22.000 m².

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

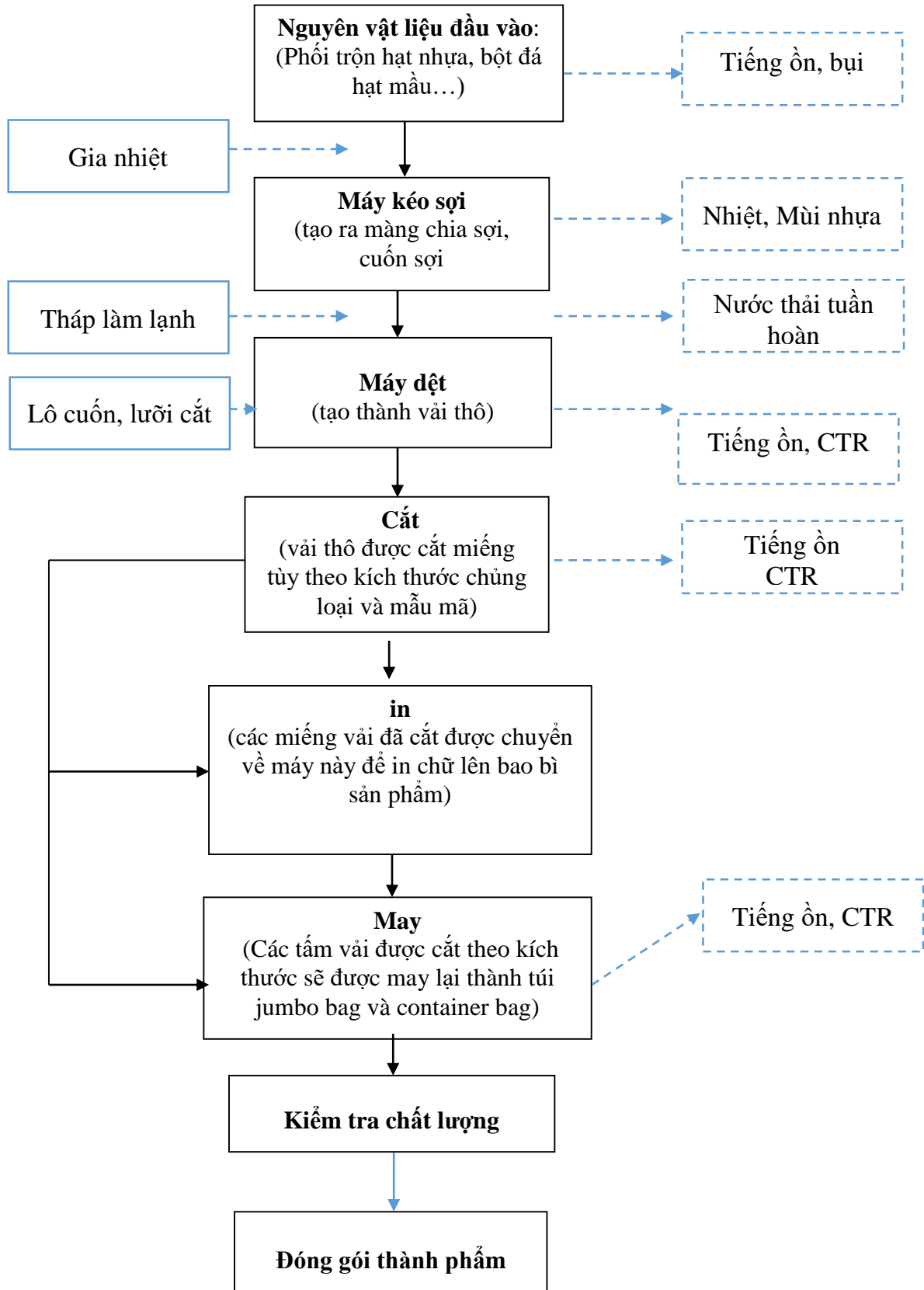
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công suất thiết kế: 700.000 sản phẩm bao bì/năm.

Công suất thực tế: 700.000 sản phẩm bao bì/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Hình 1. Quy trình sản xuất bao bì jumbo bag và container bag



Loại hình sản xuất Jumbo bag, Container bag; sản xuất kinh doanh các loại máy móc thiết bị ngành bao bì; kinh doanh các loại hạt nhựa nguyên sinh PP, PE. Tên ngành: Sản xuất sản phẩm từ plastic. Công nghệ dây chuyền tiên tiến và máy móc hiện đại.

Phân tích các bước quy trình công nghệ sản xuất bao bì jumbo bag và container bag:

a. Máy đùn (máy kéo sợi)

Là máy nhập khẩu từ Hàn Quốc thuộc Công ty SeoJin sản xuất theo công nghệ tiên tiến đã được sử dụng trong nước và xuất khẩu ra các thị trường như khu vực Tây Á, Trung Á, Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Tại thị trường Việt Nam, các công ty sản xuất vải bạt đã đến Việt Nam được gần 20 năm và tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc là hai tỉnh đã thu hút các công ty của Hàn Quốc đầu tư.

Các nguyên phụ liệu để sản xuất ra những sợi vải nhựa là từ các hạt nhựa nhập nguyên sinh nhập từ: Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, In đô nê xi a, Ả rập Xê út...

Các nước có ngành công nghiệp phát triển để làm ra được sợi phải theo một quy trình khép kín, hiện đại, tiên tiến, phải có kỹ thuật tốt thì làm ra được những sản phẩm sợi đủ độ dai, bền, mỏng, trọng lượng tốt.

Qua quá trình nhiệt từ điện tạo thành màng mỏng, qua dao cắt thành những sợi thô, qua hệ thống nước làm mát, mâm nhiệt và tốc độ máy chạy tiêu chuẩn để tạo thành sợi vừa mỏng, độ kéo dẫn tốt và quấn vào các máy nhỏ bên trong có môbin (ống sắt) để tạo ra được thành quần sợi thì ta làm được nhiều loại khác nhau để phục vụ cho độ dày, mỏng của sản phẩm.

b. Máy dệt

Máy dệt của ngành bao bì cũng như là máy dệt của ngành may mặc, cũng từ những cuộn sợi (của máy kéo chỉ) lắp lên thành các dàn sợi, dùng những máy bơm sợi để làm con thoi đan các sợi vải với nhau thì được những mảnh vải bạt thô dệt thành những lô vải thô nặng tới 1.500 kg, khổ rộng từ 1m - 4m. tùy theo độ dày, mỏng của các loại sợi.

c. Máy in

Những cuộn vải thô sẽ được cắt khuôn thành bao bì jumbo bag và container bag tùy kích cỡ theo từng đơn hàng sẽ được in chữ lên từng bao bì theo yêu cầu của khách hàng.

d. Máy may gia công

Các sản phẩm cắt từ công đoạn cắt sẽ được may lại thành bao bì jumbo bag và container bag, kỹ thuật viên kiểm tra sản phẩm đạt đủ yêu cầu sẽ mạng đóng gói gấp nhỏ vuông vắn đút vào túi bóng, dán mép, mác kích cỡ sản phẩm, đóng hộp giấy xếp vào container rồi xuất hàng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

- Sản phẩm:
- + Sản xuất các loại bao bì Jumbo bag, Container bag;
- + Kinh doanh các loại máy móc thiết bị ngành bao bì (máy móc mới 100% được nhập khẩu từ Hàn Quốc);
- + Kinh doanh các loại hạt nhựa nguyên sinh PP, PE...

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Danh mục máy móc thiết bị:

Bảng 1. Danh mục máy móc thiết bị chính của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
I	Trang thiết bị sản xuất bao bì PP Container		115		
1	Máy dệt tròn (FT-200)	Máy	03	Hàn Quốc	> 80%
2	Máy dệt nước SHC-2200	Máy	06	Hàn Quốc	
3	Máy cắt vải thân tự động	Máy	01	Hàn Quốc	
4	Máy cắt vải đáy miệng tự động	Máy	01	Hàn Quốc	
5	Máy cắt đai tự động	Máy	01	Hàn Quốc	
6	Máy in 3 màu	Máy	01	Hàn Quốc Việt Nam	
7	Máy ép kiện lớn	Máy	01	Hàn Quốc	
8	Máy ép nhỏ	Máy	01	Hàn Quốc	
9	Máy may 340 và Typicat	Máy	100	Hàn Quốc	

4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của cơ sở:

a, Nhu cầu sử dụng nguyên, phụ liệu

*** Nguyên liệu sản xuất:** Nguyên liệu chính cho dự án hoạt động bao gồm các loại nguyên liệu hạt nhựa được nhập khẩu từ các nước trong khu vực Châu Á, Châu Âu và nguồn nguyên liệu tại Việt Nam (tại Khu liên hiệp lọc hóa dầu Bình Sơn, Quảng Ngãi).

- Nguyên liệu chính:
- + Hạt nhựa: 164,91 tấn/ tháng
- + Bột đá: 9,93 tấn/tháng
- + Mực in: 12,25 kg/tháng.

b, Nhu cầu sử dụng điện, nước và các nhu cầu khác

*** Nhu cầu sử dụng điện:**

Điện được sử dụng hầu hết cho các hoạt động sản xuất, sinh hoạt, hệ thống điện chiếu sáng.

Nguồn cung cấp điện cho cơ sở là nguồn lưới điện quốc gia cấp cho cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Lượng điện tiêu thụ thực tế của nhà máy khoảng 450.000 kWh/tháng.

*** Nhu cầu sử dụng nước:**

Nước sinh hoạt, sử dụng nguồn nước từ giếng khoan.

Nhu cầu nước phục vụ sản xuất của dự án chủ yếu phục vụ để làm mát máy móc thiết bị, khu vực vệ sinh, phục vụ bếp ăn ca, phòng cháy chữa cháy.

Cụ thể: Nước cấp sinh hoạt cho 200 cán bộ công nhân viên:

$$200 \times 100\text{l}/\text{người}/\text{ngày} = 20\text{m}^3/\text{ngày};$$

$$\text{Nước cấp cho bếp ăn phục vụ bữa ăn ca: } 200 \times 25\text{l}/\text{người}/\text{ngày} = 5\text{m}^3/\text{ngày};$$

Nước cấp bổ sung cho lượng nước thất thoát ở tháp giảm nhiệt trong công đoạn đun sợi dệt khoảng 5m³/ngày;

Vậy nhu cầu sử dụng nước của dự án dự kiến khoảng 30m³/ngày (theo tính toán thuyết minh dự án).

*** Nhu cầu sử dụng nước thực tế tại cơ sở:**

- Nước sử dụng sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên (180 người), tuy nhiên lao động là người địa phương nên nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt thấp khoảng 15 m³/ngày.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

- Nước sử dụng cho sản xuất: $5\text{m}^3/\text{ngày}$ (Nước cấp bổ sung cho lượng nước thất thoát ở tháp giảm nhiệt trong công đoạn đun sợi dệt).

- Nước dùng cho tưới cây, rửa đường (không thường xuyên, chỉ sử dụng cho những ngày trời nắng, hanh khô): khoảng $3\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Nước dự phòng dùng cho phòng cháy, chữa cháy (đây là lượng nước dự phòng, không sử dụng thường xuyên).

Tổng lượng nước sử dụng cho hoạt động tại Nhà máy là $23\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm (không tính nước dự phòng cho phòng cháy, chữa cháy).

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Vị trí địa lý của dự án

Cơ sở nằm ở Cụm Công nghiệp Phúc Ứng (lô F2 thuộc tờ bản đồ Quy hoạch Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương), dọc quốc lộ 2C. Các mặt tiếp xúc chính của cơ sở như sau:

+ Phía Bắc: Giáp nhà máy bột nhựa.

+ Phía Nam: Giáp lô F3 thuộc tờ bản đồ quy hoạch Cụm công nghiệp.

+ Phía Đông: Giáp núi đá.

+ Phía Tây: Giáp đường nội bộ trong Cụm Công nghiệp.

- Địa điểm giáp với tuyến đường giao thông chính là Quốc lộ 2C để thuận tiện và tiết kiệm chi phí vận chuyển, tiếp nhận nguyên vật liệu, hàng hoá đầu vào cung cấp sản phẩm, hàng hoá đầu ra cho thị trường, đảm bảo việc sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Như vậy, địa điểm thực hiện Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì thực hiện tại xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang là phù hợp với Quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh Tuyên Quang nói chung và của huyện Sơn Dương nói riêng.

Nguồn gốc sử dụng đất: Đất đã được đền bù giải phóng mặt bằng hiện do UBND xã Phúc Ứng đang quản lý.

Bảng 1. Bảng tọa độ góc ranh giới dự án

ĐIỂM	HỆ TỌA ĐỘ VN 2000 – KINH TUYẾN 106 ⁰	
	X	Y

1	2395144,44	435969,40
2	2395074,41	435760,85
3	2395049,64	436001,24
4	2394979,61	435792,68

5.2 Các hạng mục công trình của cơ sở:

Hiện tại nhà máy đang hoạt động đã xây dựng các công trình chính bao gồm: nhà điều hành, nhà xưởng máy kéo sợi dệt, nhà kho xưởng máy kéo sợi dệt, nhà xưởng may, kho xưởng may. Ngoài ra còn có các công trình phụ trợ được tổng hợp dưới đây.

5.2.1. Các hạng mục công trình chính

a. Nhà điều hành và giới thiệu sản phẩm

Nhà có diện tích 190m² kết cấu tường gạch chịu lực #75 dày vữa xi măng #50, sàn đổ bê tông #200, mái lợp tôn dày 0,35mm. Nền nhà lát gạch liên doanh 400 x 400, lát từ trong ra ngoài, cửa đi và cửa sổ khung nhôm kính. Công trình xây dựng hiện đại, thoáng mát, hài hòa về kiến trúc, thuận tiện trong sử dụng.

b. Nhà xưởng máy kéo sợi dệt

Nhà có diện tích 2.600 m² được thiết kế nhà khung thép lợp tôn liên doanh dày 0,35mm, sàn đổ bê tông #200 cao ráo, thoáng mát. Trong nhà xưởng đảm bảo thông gió tốt và đủ ánh sáng.

c. Nhà kho xưởng máy kéo sợi dệt

Kho có diện tích 546 m² được thiết kế nhà khung thép lợp tôn liên doanh dày 0,35mm, sàn đổ bê tông #200 cao ráo, thoáng mát.

d. Nhà xưởng may

Nhà có diện tích 1764 m² được thiết kế nhà khung thép lợp tôn liên doanh dày 0,35mm, sàn đổ bê tông #200 cao ráo, thoáng mát. Trong nhà xưởng đảm bảo thông gió tốt và đủ ánh sáng.

e. Kho xưởng may

Kho có diện tích 392 m² được thiết kế nhà khung thép lợp tôn liên doanh dày 0,35mm, sàn đổ bê tông #200 cao ráo, thoáng mát.

5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- a. Phòng bảo vệ: Diện tích 16m².
- b. Nhà để xe: Diện tích 125m².
- c. Bể phòng cháy/trạm bơm phòng cháy: Diện tích 180m².
- d. Nhà ăn + ký túc: Diện tích 360m².
- e. Trạm điện: Diện tích 18m².
- f. Đất cây xanh bồn hoa: Diện tích 2008m².
- g. Bể nước ngầm: Diện tích 16m².
- h. Khu giếng khoan bể nước: Diện tích 20m².

5.2.3. Các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải:

+ 01 bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt: bể 3 ngăn thể tích 40m³ gồm hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B mới xả ra mương thoát nước chung của cụm công nghiệp.

+ 01 bể tách dầu mỡ có dung tích 5m³. Cấu tạo của bể tách dầu mỡ: Được xây dựng bằng bê tông, gồm 02 ngăn: Ngăn tách mỡ và ngăn lắng.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung 25m³/ngày đêm có quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt -> hố gom -> bể điều hòa -> bể thiếu khí -> bể hiếu khí -> bể lắng -> bể khử trùng -> thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực -> suối Khuôn Ráng.

+ Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn: thu gom nước mưa bề mặt sử dụng hố gas thu nước mưa; thiết kế kết hợp giữa hệ thống rãnh xây có nắp đan hở rãnh và hệ thống cống ngầm, tuyến rãnh thoát có kích thước B = 0,4 – 0,5m; H = 0,6 – 0,7 m xây dựng dọc tuyến đường, từ đó ra hệ thống thoát nước chung.

+ Bể tuần hoàn nước sản xuất làm mát có tháp giải nhiệt, bố trí 02 bể cạnh xưởng sản xuất, diện tích xây dựng 24-28m². Định kỳ vệ sinh bể bằng cách tháo khô, nạo vét bùn cặn 01 lần/năm.

- Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải: Hệ thống quạt thông gió và thoáng khí nhà xưởng tự nhiên. Khu vực dây chuyền sản xuất lắp đặt hệ thống chụp hút tại công đoạn kéo sợi gia nhiệt để xử lý khí thải bằng hấp thụ than hoạt tính với công suất hệ thống xử lý khí thải 8.000 m³/giờ.

Khí thải phát sinh từ công đoạn kéo sợi gia nhiệt được thu gom bằng 02 phễu hút với kích thước 1800x800x400 mm. Dưới tác dụng của quạt hút, khí thải

sẽ được thu gom theo ống – hệ thống đường ống dẫn về tháp hấp phụ.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu trữ trong thùng chứa thể tích 120 lít và hợp đồng với công ty TNHH môi trường Bình Xuyên vận chuyển xử lý hàng ngày.

+ Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại chứa trong 03 thùng chứa thể tích 120 lít để phân loại, lưu giữ. Công ty đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 8m² được thiết kế đảm bảo theo đúng quy định. Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh để vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung: Trang bị bảo hộ lao động và lắp vách ngăn chống ồn; cách ly khu vực sản xuất với xung quanh; lắp đặt thiết bị giảm ồn, giảm rung; trồng cây xanh quanh nhà xưởng.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Các biện pháp đảm bảo an toàn lao động; phòng chống cháy nổ, giảm thiểu tai nạn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm; ứng phó thiên tai và ứng phó khi hệ thống xử lý môi trường gặp sự cố.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Cơ sở được thực hiện tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan:

- Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2500418092, do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/10/2010, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 06/12/2022.

+ Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 29/9/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND huyện Sơn Dương về việc Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

2.1. Đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý của nguồn tiếp nhận nước thải

của cơ sở

Nguồn tiếp nhận nước thải của công ty trách nhiệm hữu hạn MTV bao bì DHT là suối Khuôn Ráng. Nguồn nước suối tại khu vực tiếp nhận nước thải chủ yếu phục vụ công tác tưới tiêu cho hoa màu của các hộ dân xung quanh khu vực.

Suối Khuôn Ráng có nước chảy quanh năm nhưng lưu lượng không ổn định và phụ thuộc theo mùa. Mùa lũ thường kéo dài từ tháng VI đến cuối tháng IX với tổng lượng dòng chảy chiếm khoảng 66- 72 % tổng lượng dòng chảy năm. Mùa cạn thường bắt đầu từ đầu tháng XI đến cuối tháng IV năm sau với tổng lượng dòng chảy đạt 30- 35 % tổng lượng dòng chảy năm.

Lưu lượng xả thải lớn nhất của Công ty là khoảng 20 m³/ngày là rất nhỏ. Do vậy, việc lựa chọn nguồn tiếp nhận nước thải là suối Khuôn Ráng của Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV bao bì DHT là hợp lý.

Để giảm thiểu được tác động của nguồn thải, công ty đã xây dựng hệ thống xử lý và thoát nước thải đồng bộ đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động tại Nhà máy trước khi chảy ra suối Khuôn Ráng.

Gần với khu vực dự án tại cụm công nghiệp Phúc Ứng có một số nhà máy đang trong giai đoạn hoạt động là nhà máy may của công ty CP may Phong Phú, nhà máy của công ty TNHH MTV giày Phúc Sinh, Công ty TNHH MTV Hùng Huy, Công ty TNHH Hitarp Việt Nam. Theo kết quả quan trắc chất lượng nước mặt suối Khuôn Ráng – gần khu vực cụm công nghiệp Phúc Ứng, nước suối có các thông số phân tích đạt QCVN 08:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B1). Vì vậy việc xả thải nước thải sau xử lý của Công ty không ảnh hưởng đến chất lượng nước suối, chế độ thủy văn dòng chảy, hệ sinh thái thủy sinh cũng như môi trường xung quanh khu vực xả nước thải của công ty.

Vì vậy nước mặt suối Khuôn Ráng có khả năng tiếp nhận nước thải của Công ty.

2.2. Đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý của nguồn tiếp nhận khí thải của cơ sở

Khí thải phát sinh từ cơ sở được xử lý qua hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo khí thải đầu ra đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Nên khối lượng và tải lượng phát sinh từ hoạt động của cơ sở là không lớn.

Do đó, việc hoạt động của cơ sở không gây ảnh hưởng đến môi trường nên và phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1 Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn có thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất rắn lơ lửng không có hóa chất độc hại từ quá trình sản xuất do tất cả các máy thiết bị và dây chuyền sản xuất đều được thực hiện trong nhà xưởng, không có dầu mỡ hay chất thải do sản xuất cuốn theo nước mưa.

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải và được đấu nối với hệ thống thu gom, thoát nước mặt của Cụm công nghiệp.

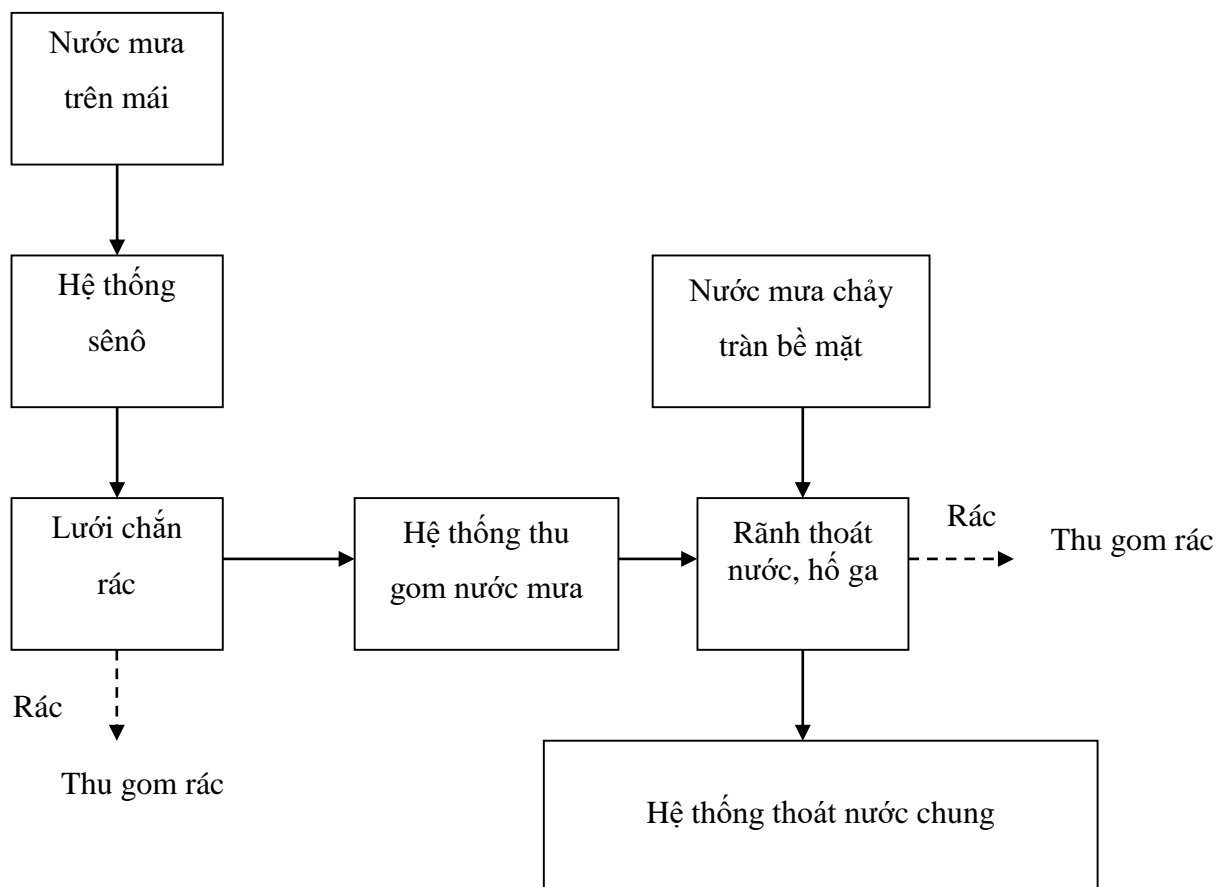
Thu gom nước mặt trên mặt bằng sử dụng hố ga thu nước mưa. Cuối mỗi đường ống thoát nước mưa xây dựng bể lắng/hố ga để tách chất rắn lơ lửng trong nước mưa trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung.

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế kết hợp giữa hệ thống rãnh xây có nắp đan hờ rãnh và hệ thống công ngầm.

Tuyến rãnh thoát nước thiết kế cho các công trình xây dựng có kích thước $B = 0,4 - 0,5\text{m}$; $H = 0,6 - 0,7\text{m}$ xây dựng dọc theo tuyến đường, trên tuyến rãnh thoát nước bố trí các hố ga.

Hệ thống được bố trí xung quanh văn phòng, nhà xưởng, thu nước mưa vào hệ thống qua song chắn rác rồi dẫn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực.

Hệ thống thu gom nước mưa xung quanh trung bình khoảng 50m bố trí 01 hố ga. Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên khuôn viên nhà máy được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Số điểm đấu nối nước mưa với khu vực: 02 điểm.



Hình 2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn

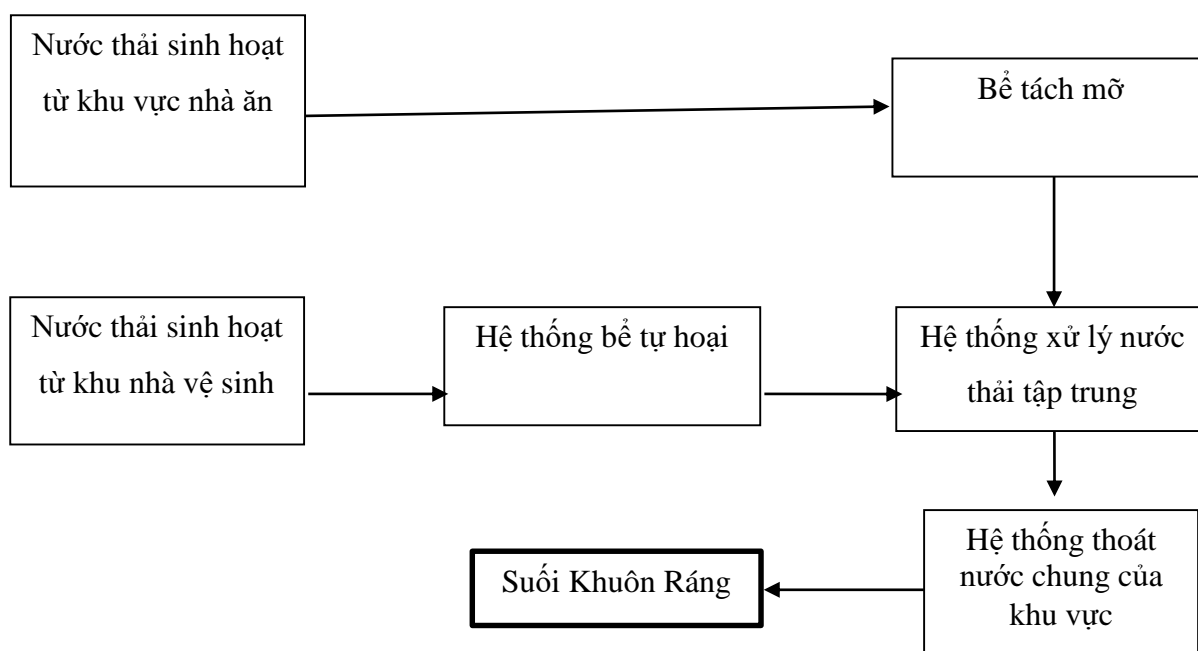
Ngoài ra mỗi tuần 1 lần, nhân viên vệ sinh của nhà máy sẽ đi dọn rác thải tại các rãnh thoát nhằm đảm bảo việc thoát nước không bị ứ đọng, tắc nghẽn khi xảy ra mưa.

1.2 Thu gom, thoát nước thải

Hiện tại hệ thống thu gom và thoát nước của cơ sở được chia thành 03 loại riêng biệt: hệ thống xử lý và thoát nước thải sinh hoạt, hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn và hệ thống thu gom tuần hoàn nước thải sản xuất.

1.2.1 Mạng lưới thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

- Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt như sau:



Hình 3: Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải của Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP Container và thiết bị ngành bao bì chủ yếu là nước thải sinh hoạt với lưu lượng lớn nhất 20 m³/ngày.

Nước thải sinh hoạt được xử lý qua hệ thống bể tự hoại, nhà máy xây dựng 01 bể tự hoại 40m³, sau khi được xử lý qua bể tự hoại, nước thải được thu gom và bơm vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy 25 m³/ngày.

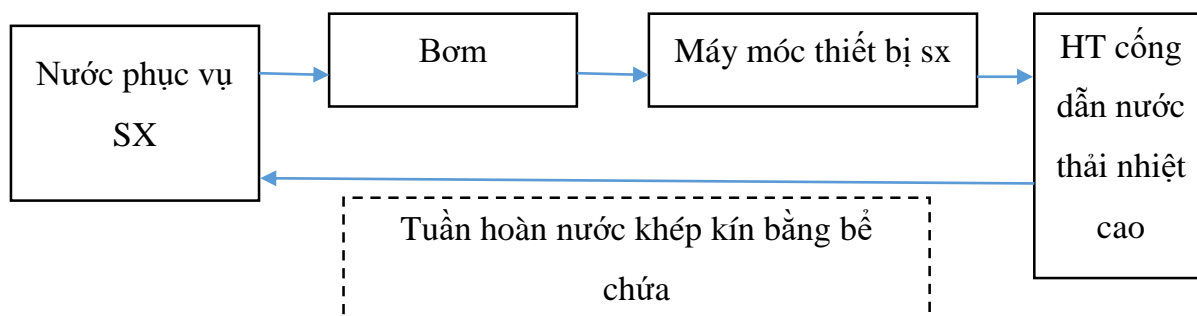
Nước thải từ khu vực nhà ăn được xử lý qua bể tách mỡ với thể tích 5m³ sau khi được xử lý qua bể tách dầu mỡ, nước thải được thu gom và bơm vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy 25 m³/ngày.

Nước thải sau khi xử lý chảy theo rãnh thoát nước vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực rồi xả ra suối Khuôn Ráng.

1.2.2 Mạng lưới thu gom, thoát nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất của nhà máy chủ yếu là nước làm mát ở công đoạn gia nhiệt. Nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất. Nước sản xuất dùng chủ yếu trong công đoạn đùn sợi, để làm nguội sợi PP lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng, nhà máy chỉ cung cấp lượng nước hao hụt do bốc hơi khoảng 5 m³/ngày. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được tuần hoàn trở lại thông qua hệ thống giải nhiệt và bể chứa nước khép kín và không thay thế trong quá trình sử dụng, do vậy dự án không thải nước thải sản xuất ra môi trường.

Hệ thống bể tuần hoàn nước làm mát phục vụ sản xuất bao bì, gồm 02 bể được bơm tuần hoàn ở giữa máy đùn tạo màng và máy chia sợi.



Hình 4. Sơ đồ thu gom, tuần hoàn nước thải sản xuất

(Có bản đồ quy hoạch hệ thống cấp thoát nước của nhà máy kèm theo)

1.3 Xử lý nước thải:

Hiện nay, Chủ cơ sở đã triển khai xây dựng hoàn thiện các công trình xử lý nước thải sau:

1. 01 bể tự hoại
2. 01 bể tách dầu mỡ
3. 01 HT xử lý nước thải.

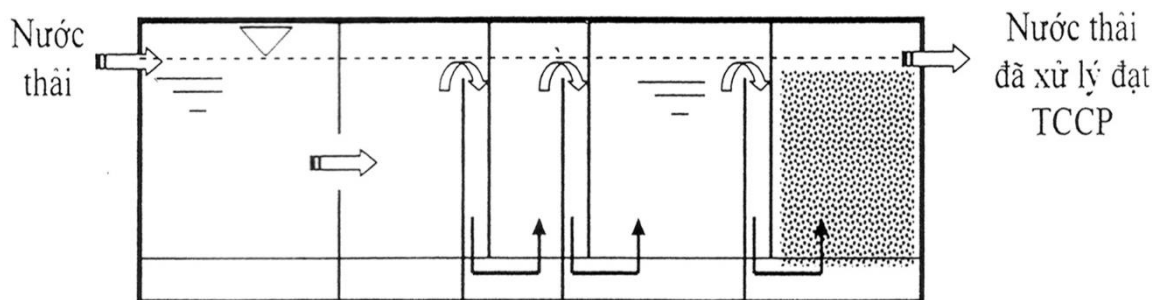
1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt đã được xây dựng, lắp đặt

- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH TKN Hà Nội.
- Đơn vị thi công, xây dựng: Công ty TNHH TKN Hà Nội.
- Chức năng công trình: Xử lý nước thải sinh hoạt.
- Quy mô, kích thước:

Công ty đã tiến hành xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh. Sau đó dẫn ra HTXL nước thải 25 m³/ngày.đêm để xử lý bằng phương pháp sinh học.

a, Bể tự hoại

Công ty đã xây dựng bể tự hoại cải tiến 3 ngăn với tổng dung tích 40m³ để xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải.



Hình 5: Sơ đồ bể tự hoại cải tiến

Bể xử lý được thiết kế với cấu tạo như sau: Bể bao gồm 3 ngăn: ngăn xử lý yếm khí, ngăn lắng ngang và ngăn xử lý hiếu khí tùy tiện. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Nước thải với thời gian lưu từ 2 - 4 ngày, dưới tác dụng của các vi sinh vật kỵ khí, các tác nhân ô nhiễm được phân huỷ rất cao, nước thải sau xử lý thoát vào hệ thống mương rãnh của khu vực.

Nguyên tắc:

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Bể tự hoại cải tiến cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vật hiệu suất xử lý trong khi lưu lượng bùn cần xử lý lại giảm. Các ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc, và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.

Các vách ngăn cho phép tăng hệ số sử dụng thể tích bể, tránh các vùng nước chết. Bể được xây dựng hợp khối, có nắp kín không gây mùi hôi khó chịu, mô hình quản lý, vận hành đơn giản, không phải sử dụng đến các thiết bị máy móc, không tốn điện năng, dễ bảo dưỡng, sửa chữa.

b, Bể tách dầu mỡ

Chủ dự án xây dựng 01 bể tách dầu mỡ có dung tích 5m³.

Cấu tạo của bể tách dầu mỡ: Được xây dựng bằng bê tông, gồm 2 ngăn: ngăn tách mỡ và ngăn lắng.

+ Trong phân thu cặn, các tạp chất chủ yếu là chất vô cơ lắng xuống đáy bể.

+ Tại vùng thu dầu, dầu mỡ nổi lên được vớt đi xử lý. Nhà máy hút các váng dầu động thực vật nổi lên trên bề mặt thu gom xử lý như chất thải sinh hoạt.

c, Hệ thống xử lý nước thải 25m³

Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó bơm về hệ thống xử lý.

Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn, bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ sau đó chảy vào hệ thống xử lý nước thải.

Tất cả các nguồn nước trên của được dẫn về trạm xử lý nước thải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn mới được xả thải ra môi trường.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải:

Bước 1: Xử lý sơ bộ

Với các công trình đơn vị như sau:

- ❖ Song chắn rác
- ❖ Bể điều hòa

Mục đích: Thu gom, loại bỏ các chất thải có kích thước lớn, đồng thời ổn định lưu lượng và điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải. Vận chuyển chất thải đến quá trình xử lý tiếp theo.

Bước 2: Xử lý sinh học bằng vi sinh vật

Với các công trình đơn vị như sau:

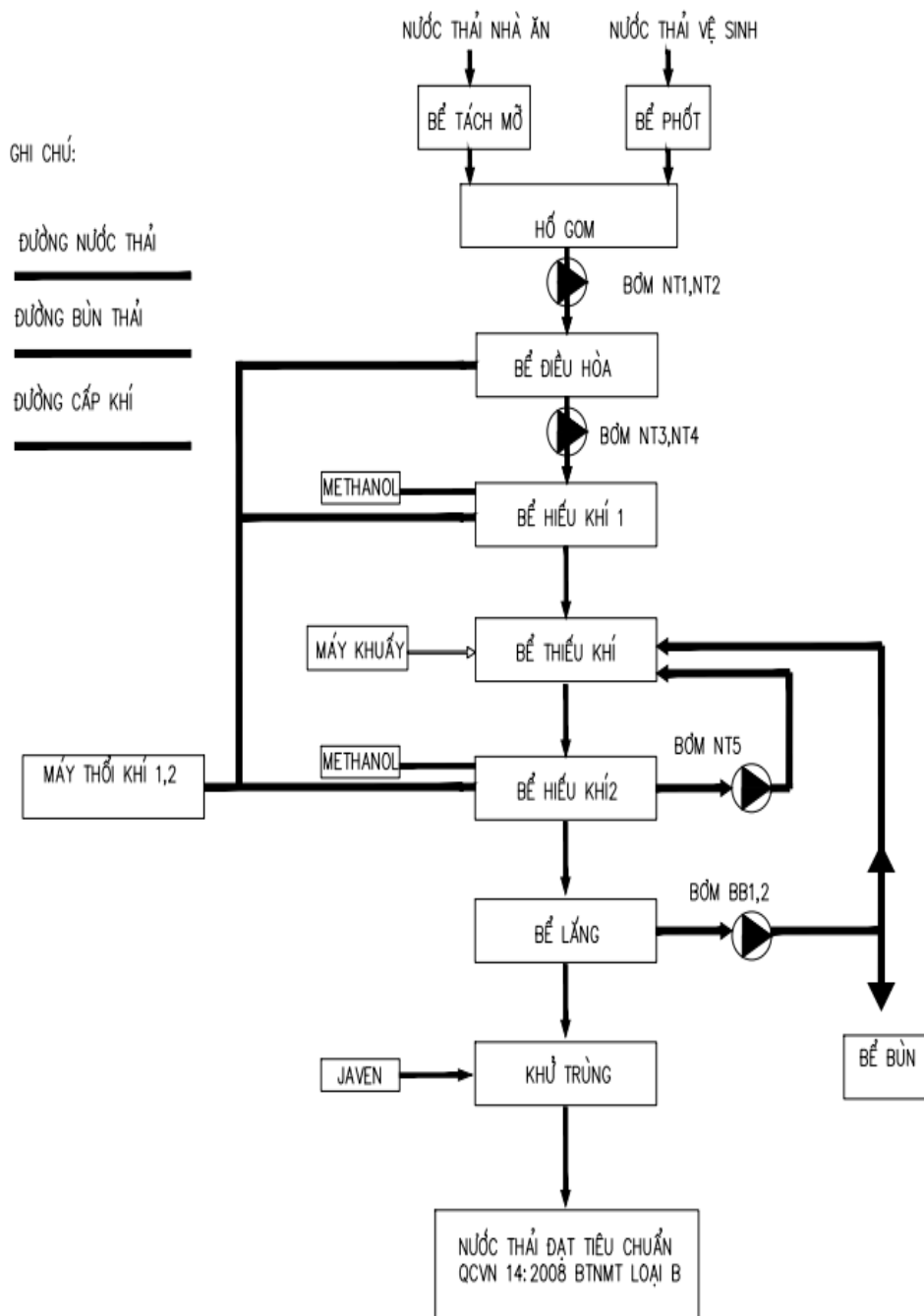
- ❖ Bể sinh học thiếu khí (bể khử Nitơ, Phốtpho...)
- ❖ Bể sinh học hiếu khí (bể Nitrat hóa, BOD...)
- ❖ Bể lắng

Mục đích: Quá trình thiếu khí nhờ hoạt động các vi sinh vật yếm khí, thiếu khí, hiếu khí phân hủy các chất ô nhiễm hữu cơ, giảm tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải.

Bước 3: Khử trùng và thải ra môi trường tiếp nhận

Mục đích: Sau khi qua lắng để xử lý lượng cặn lơ lửng, nước thải được đưa sang bể khử trùng, tại đây nước thải được khử trùng bằng khí javen để xử lý vi khuẩn trước khi thải ra môi trường. Nước thải đầu ra của bể khử trùng đạt **QCVN 14:2008/BTNMT cột B** (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt). Cơ sở khoa học của phương pháp này là dựa vào khả năng diệt khuẩn của javel xử lý triệt để Coliform, E-Coli...

SƠ ĐỒ HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 25 M³/ NGÀY ĐÊM



Hình 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải

* Công dụng của từng giai đoạn xử lý

Giai đoạn 1: Xử lý sơ bộ

Bể điều hoà

Nước thải từ hố gom được bơm lên bể điều hòa.

Tại bể điều hòa nước thải được điều hòa lưu lượng cũng như nồng độ giúp cho qua trình xử lý ở công đoạn tiếp theo đạt hiệu quả cao và ổn định. Bể được lắp đặt hệ thống sục khí để nước thải được xáo trộn đồng đều tránh lắng cặn hoặc phát sinh mùi khó chịu trước khi sang bể thiếu khí.

Giai đoạn 2: Xử lý sinh học

a. Bể xử lý sinh học thiếu khí.

Trong nước thải, có chứa các hợp chất Nitơ và photpho, những hợp chất này cần phải được loại bỏ ra khỏi nước thải.

Tại bể thiếu khí, trong điều kiện thiếu khí hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý N và P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphoril.

Quá trình Nitrat hóa xảy ra như sau:

Hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosomonas và Nitrobacter. Trong môi trường thiếu Oxi, các loại vi khuẩn này sẽ khử Nitrat Denitrificans sẽ tách oxi của Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) theo chuỗi chuyển hóa $\text{NO}_3^- \rightarrow \text{NO}_2^- \rightarrow \text{N}_2\text{O} \rightarrow \text{N}_2\uparrow$

Khí Nitơ phân tử N_2 tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài. Như vậy là Nitơ đã được xử lý.

Quá trình Photphorit hóa:

Chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí.

Cũng tại đây hóa chất dinh dưỡng (như Methanol) cũng sẽ được châm vào để bổ sung dưỡng chất cho quá trình khử nitơ.



Bể thiếu khí được trang bị các thiết bị khuấy nhằm đảo trộn đều bùn và nước thải. Nhằm tăng hiệu quả của quá trình khử nitrat.

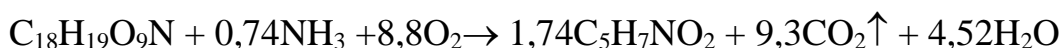
b. Bể hiếu khí.

Tại bể hiếu khí nhờ quá trình cấp khí cưỡng bức nhằm đảm bảo nồng độ oxy trong bể khoảng 2 mg/l – 4 mg/l để cung cấp dưỡng khí cần thiết cho vi sinh vật hiếu khí phân hủy sinh học các hợp chất hữu cơ. Tại đây nhờ quá trình phân

hủy các chất hữu cơ dưới tác dụng của vi sinh vật hiếu khí xử lý toàn bộ các chất hữu cơ. Hiệu suất xử lý đạt 80% - 90% tổng lượng BOD có trong nước thải.

Quá trình xử lý này gồm 2 quá trình xử lý:

Dùng vi sinh vật hiếu khí kết hợp với oxy để chuyển hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nước thành tế bào vi sinh vật mới (sinh tổng hợp tế bào). Quá trình được mô tả chi tiết bằng phương trình sau:



(Theo wastewater treatment - Biological and chemical processes - Second edition - 68 pages)

Dùng oxy trong không khí để oxy hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nguồn nước để chuyển hoá thành các hợp chất khí (chủ yếu là CO_2) và các thành phần khác. Ngoài ra lượng oxy dư còn được dùng để chuyển hoá các hợp chất chứa nitơ (chủ yếu là NH_4^+) thành NO_2^- và NO_3^- . Quá trình được mô tả chi tiết bằng phương trình sau:



(Theo wastewater treatment - Biological and chemical processes - Second edition – 66 pages)

Quá trình xử lý này chủ yếu sử dụng các chủng vi sinh vật như: chủng VSV Nitrosomonas, Nitrobacter.

c. Bể lắng.

Tại bể lắng diễn ra quá trình lắng các chất lơ lửng có trong nước thải. Dưới tác dụng của trọng lực cùng các bông cặn sẽ lắng xuống đáy. Lượng chất rắn lơ lửng sẽ giảm khoảng 80% - 85% kéo theo các loại tạp chất (bao gồm cả các thành phần chứa nitơ, photpho, chất hữu cơ...). Bùn lắng vi sinh sẽ được tuần hoàn 1 phần về bể thiếu khí giúp vi sinh vật hiếu khí phát triển, phần còn lại đưa về bể chứa bùn .

*** Giai đoạn 3 xử lý hoàn thiện.**

Bể khử trùng

Nước sau khi lắng qua bể lắng được đưa sang bể khử trùng, thời gian khử trùng khoảng 15-30 phút bằng javen. Tại đây dưới tác dụng của javen khử trùng các vi khuẩn độc hại sẽ được xử lý (coliform, Ecoli...) trước khi nước được thải ra môi trường. Nước sau xử lý đạt **QCVN 14:2008/BTNMT cột B** (Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt).

*** Giai đoạn 4 xử lý bùn.**

Bùn thu được tại bể lắng 80% được bơm tuần hoàn lại bể thiếu khí nhằm mục đích tăng hiệu quả xử lý và giảm chi phí xử lý bùn phát sinh, phần bùn dư còn lại được bơm về bể chứa bùn.

*** Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải**

Bảng 3: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên hạng mục	Kích thước			Tổng thể tích (m ³)
		Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	
1	Bể điều hòa	2,29	1,4	2,7	8,6
2	Bể hiếu khí 1	2,29	1,0	2,7	6,2
3	Bể thiếu khí	2,29	1,4	2,7	8,6
4	Bể hiếu khí 2	2,29	1,7	2,7	10,5
5	Bể lắng	1,6	1,6	2,7	6,2
6	Bể Khử trùng	1,6	0,69	2,7	2,9

*** Các trang thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải tập trung:**

- CHẾ ĐỘ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG

Trạm xử lý nước thải được lắp đặt 02 thiết bị cụm để đảm bảo độ an toàn và tuổi thọ cho các thiết bị và hoạt động luân phiên được kích hoạt trên tủ điện điều khiển và quy trình vận hành được thao tác trên hai thiết bị.

Điều chỉnh lưu lượng, vận hành máy bơm tại bể điều hòa

Bơm nước chìm điều hòa: Chế độ hoạt động của cụm bơm này phụ thuộc vào mức nước có trong bể điều hòa, thông thường khi hệ thống hoạt động ổn định thì lưu lượng của cụm bơm này bơm sang bể xử lý tiếp theo cũng cố định (bằng lưu lượng trung bình theo giờ của hệ thống).

Việc cụm bơm nước thải bể điều hòa hoạt động hay không hoạt động phụ thuộc vào mức nước trong bể điều hòa được giám sát và điều khiển thông qua phao báo mức nước tại bể (mức nước cạn thì bơm ngắt và ngược lại).

Máy khuấy trộn bể thiếu khí

Chế độ hoạt động của máy khuấy trộn phụ thuộc vào mực nước và thời gian cài đặt. Trong khi vận hành lưu ý nước thải trong bể Anoxic phải được đảo quận

lên liên tục sao cho lượng bùn hoạt tính có trong bể được tiếp xúc với toàn bộ thể tích bể và bùn không bao giờ bị lắng đọng bên dưới đáy bể.

Cấp khí cho bể điều hòa

Lượng khí cấp cho bể điều hòa nhằm làm tránh hiện tượng lên men yếm khí gây bốc mùi hôi thối đồng thời điều hòa về nồng độ các chất gây bẩn thông qua việc khuấy trộn bằng cách cấp khí.

Phía dưới đáy bể là hệ thống ống khí có tác dụng hòa trộn ổn định nồng độ chất hữu cơ trong nước thải và xử lý sơ bộ nước thải đầu vào. Hệ thống khí này được điều chỉnh bằng van 2 chiều đặt ngay trên mặt bể. Nếu hệ thống có khí dư thì toàn bộ khí dư sẽ được xả trong bể điều hòa này tránh làm ảnh hưởng đến áp suất khí của các cụm chức năng. Van khí được thao tác sau cùng khi toàn bộ hệ thống đã được điều chỉnh khí tại các cụm bể chức năng khác.

Khí được cung cấp vào bể thông qua hệ ống dẫn, van và đĩa khí sinh học. Cấp khí để tạo môi trường thuận lợi cho vi sinh phát triển. Bên trên đĩa khí là hệ thống giá thể là nơi dính bám sinh sống của vi sinh vật. Hệ thống khí được điều chỉnh thông qua các van, khi điều chỉnh khí sao cho toàn bộ diện tích bề mặt bể được nổi lên dòng khí dưới dạng bọt mịn, đường kính bọt trung bình vào khoảng 4-5mm và đều nhau trên từng đĩa. Lưu ý không để khí sục cục bộ hay mất áp khí trên hệ thống phân phối khí, khi có hiện tượng đường ống khí cục bộ cần phải thông báo cho nhà thầu thi công biết để có phương án thay thế sửa chữa (tuổi đời của 1 đĩa khí khoảng 20 – 24 tháng tùy theo điều kiện làm việc).

Nước sau khi được xử lý tại bể hiếu khí sẽ được dẫn bằng đường ống sang bể lắng sinh học.

Bơm bùn

Bơm bùn tuần hoàn và bùn thải trong bể lắng sinh học: Trong quá trình hoạt động của hệ thống lượng sinh khối của vi sinh vật trong bể xử lý hiếu khí tăng lên, để đảm bảo được hàm lượng bùn ở một giá trị hợp lý cần phải xả bỏ lượng bùn dư trong quá trình xử lý.

Bơm bùn tách dầu mỡ, bơm hút váng: Trong quá trình hoạt động của hệ thống khối lượng bùn cặn dầu mỡ trong bể xử lý hiếu khí tăng lên, để đảm bảo được hoạt động của thiết bị và hiệu quả xử lý của hệ thống cần phải xả bỏ lượng bùn dư, váng dầu mỡ trong quá trình xử lý.

*** Nguyên lý hoạt động của các thiết bị trong hệ thống cấp điện**

a. Bơm hố gom

- Hoạt động độc lập với hệ thống, hoạt động theo phao của bể.
- Phao tại hố gom dùng phao quả tạ (phao nước thông dụng). Phao điều chỉnh bơm: Nước đầy bơm chạy nước hết bơm tắt.

b. Bơm bể điều hòa

- Hoạt động độc lập với hệ thống, hoạt động theo phao của bể.
- Bơm P01/A và P01/B hoạt động luân phiên nhau, mỗi bơm chạy 20 phút và nghỉ 20 phút.
- Phao tại bể điều hòa dùng phao quả tạ (phao nước thông dụng). Phao điều chỉnh bơm: Nước đầy bơm chạy nước hết bơm tắt.

c. Máy khuấy chìm MX01 (Bể sinh học thiếu khí)

- Hoạt động độc lập với hệ thống.
- Motor M01, hoạt động theo cài đặt.

d. Bơm hút bùn P02 (Bể lắng) chạy độc lập so với hệ thống

- Bơm P02 chạy theo cài đặt của timer hoặc chạy bằng tay.

e. Bơm tuần hoàn khử nito P03 chạy theo cài đặt timer.

- Bơm P03 chạy theo cài đặt của timer trong tủ điện.

f. Máy thổi khí A01/AB

- Máy thổi khí hoạt động độc lập với hệ thống và hoạt động theo cài đặt.
- Máy thổi khí A01/A và A01/B hoạt động luân phiên nhau, mỗi máy hoạt động 2 tiếng chạy 2 tiếng nghỉ.

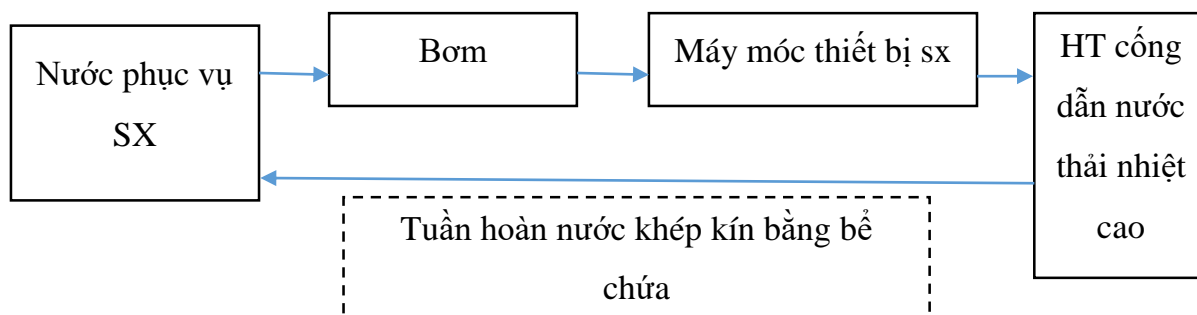
Bảng 4. Hóa chất, chế phẩm sử dụng trong HTXLNT

TT	Tên nguyên liệu	ĐVT	Khối lượng
1	Javen	Kg/năm	150

1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất đã được xây dựng, lắp đặt

Như đã trình bày ở trên, nước thải sản xuất của nhà máy chủ yếu là nước làm mát ở công đoạn gia nhiệt không chứa hóa chất độc hại nhưng nhiệt độ của nước tương đối cao, được dẫn qua hệ thống giải nhiệt và bể chứa nước khép kín nhằm giảm lượng nhiệt trong nước, sau đó được tuần hoàn tái sử dụng. Do vậy cơ sở không thải nước sản xuất ra môi trường.

Hệ thống bể tuần hoàn nước làm mát phục vụ sản xuất bao bì, gồm 02 bể được bơm tuần hoàn ở giữa máy đun tạo màng và máy chia sợi.



Hình 7. Sơ đồ thu gom, tuần hoàn nước thải sản xuất

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1 Công trình thu gom khí thải trước khi xử lý:

Khí thải phát sinh từ công đoạn kéo sợi gia nhiệt được thu gom bằng 02 phễu hút với kích thước 1800x800x400 mm - Lỗ D200mm tại 02 vị trí trong khu vực. Dưới tác dụng của quạt hút, khí thải sẽ được thu gom theo ống – hệ thống đường ống dẫn về tháp hấp phụ sau đó thải ra môi trường. Tổng chiều dài đường ống dẫn 51m trong đó Ống nhựa lõi thép D150mm là 15m, Ống D350mm là 30m, Ống D200mm là 6m.

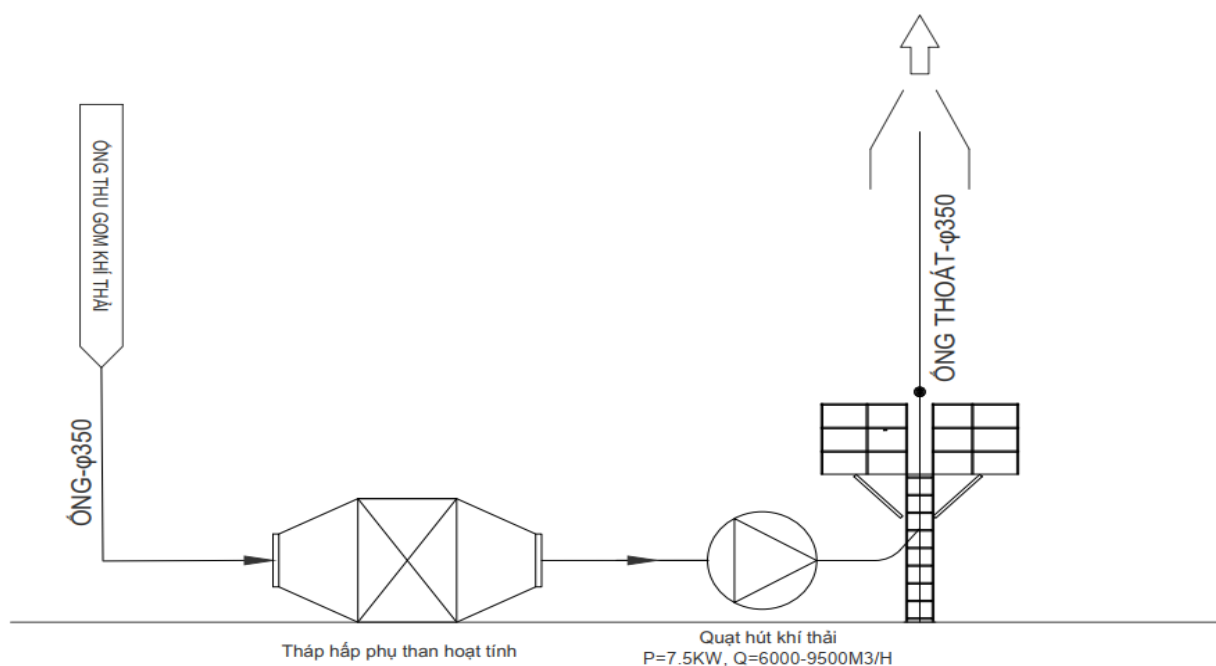
2.2 Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt:

- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH công nghệ tự động hóa ATL
- Đơn vị thi công, lắp đặt thiết bị: Công ty TNHH công nghệ tự động

hóa ATL.

- Chức năng công trình: Xử lý khí thải từ công đoạn kéo sợi gia nhiệt
- Quy trình, công nghệ xử lý khí thải:

Công ty đã lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý khí thải công suất 8.000m³/giờ để thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn kéo sợi gia nhiệt bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống như sau:



Hình 8: Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn kéo sợi gia nhiệt

Khí thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT.

*** Thuyết minh quy trình công nghệ:**

Khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của nhà máy được thu hồi bằng hệ thống chụp hút. Nhờ hệ thống chụp hút được bố trí ngay tại vị trí phát sinh nên khí thải được thoát ra dưới tác dụng của áp suất âm gây ra bởi quạt hút sẽ theo hệ thống đường ống tới tháp hấp phụ. Hấp phụ là quá trình phân ly khí dựa trên ái lực của một số chất rắn đối với một số loại chất có mặt trong hỗn hợp khí nói chung và trong khí thải nói riêng, trong quá trình đó, các phân tử chất ô nhiễm trong khí thải bị giữ lại trên bề mặt vật liệu rắn. Quá trình hấp phụ được sử dụng rộng rãi để khử ẩm không khí, khử khí độc hại và mùi trong khí thải, thu hồi hơi/khí có giá trị. Than hoạt tính là vật liệu hấp phụ tương đối phổ biến, có các đặc trưng sau: khối lượng đơn vị đồ đồng là 380 – 600 Kg/m³, đường kính lỗ rỗng là (20 – 40).10-10 m, thể tích lỗ rỗng tổng cộng là 0,6 – 0,8 cm³/g, bề mặt lỗ rỗng là 500 – 1500 m²/g. Hiệu suất hấp phụ có thể đạt 99 – 100%. Định kỳ khoảng 3-4 tháng 1 lần sẽ tiến hành thay thế.

Cuối cùng, khí thải được hút ra ngoài môi trường thông qua quạt hút khí thải và ống thoát khí.

Khí thải sau khi đi qua tháp hấp phụ than hoạt tính đảm bảo được tiêu chuẩn xả thải và được quạt hút hút thải ra ngoài môi trường theo đường ống khí.

Bảng 5: Các thông số kỹ thuật của HTXL khí thải khu vực đùn ép nhựa

STT	Quy cách chủng loại	Vật Liệu	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Ống nhựa lõi thép D150mm	Nhựa PP/PE	Mét	15
2	Ống D350mm	Tôn mạ kẽm 0,58mm	Mét	30
3	Ống D200mm	Tôn mạ kẽm 0,58mm	Mét	6
4	Cút D350mm	Tôn mạ kẽm 0,58mm	Cái	6
5	Cút D200mm	Tôn mạ kẽm 0,58mm	Cái	1
6	Rẽ nhánh D350/D150mm	Tôn mạ kẽm 0,58mm	Cái	1
7	Côn thu D350/D200mm	Tôn mạ kẽm 0,58mm	Cái	1
8	Côn thu D400/D350mm	Tôn mạ kẽm 0,58mm	Cái	1
9	Van khóa D150mm	Tôn mạ kẽm	Cái	1

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

10	Van khóa D200mm	Tôn mạ kẽm	Cái	1
11	Quạt hút li tâm - Công suất: 7.5kW/380V/50Hz - Lưu lượng 7.500 ~ 9.500 m ³ /h - Áp suất 2.000-2.500Pa.	Thép CT3/SS400	Cái	1
12	Quạt hút		Cái	1
13	Tháp xử lý khí thải + Kích thước: 1800x1200x1200mm + Bao gồm 2 ngăn lọc than hoạt tính	Vật liệu thép CT3	Cái	1
14	Chụp hút 1800x800x400 mm - Lỗ D200mm		Cái	2
15	Vật liệu xử lý - Than hoạt tính - Đã qua xử lý hoạt tính - Kích thước 4-6mm		Kg	200
16	Côn thu vuông tròn 360x315/D350mm	Tôn mạ kẽm 0,75mm	Cái	1
17	Cổ bạt D300-D350mm	Tôn mạ kẽm 0,75mm	Cái	1
18	Cút D350mm, vát góc 45 độ có lưới chắn côn trùng	Tôn mạ kẽm 0,75mm	Cái	1
19	Tủ điện hệ thống + Thiết bị đóng cắt + Biến tần 7.5kW + Chế độ điều khiển bằng tay		Cái	1
20	Dây nguồn 3x6+1x4mm ²		Mét	25
21	Hệ giá đỡ hệ thống xử lý + Vật liệu BTCT		Hệ	1
22	Vật tư phụ: + Giá đỡ ống, phụ kiện ống... + Bulong, ốc, băng dính bạc...		Hệ	1

Than hoạt tính là vật liệu hấp phụ tương đối thông dụng, kích thước hạt phổ biến nằm trong khoảng 4-6mm. Độ rỗng của than hoạt tính có được là nhờ các mao quản nhỏ li ti nằm bên trong khối vật liệu. Cấu tạo của than hoạt tính gồm chủ yếu là các nguyên tố carbon ở dạng vô định hình, một phần nữa có dạng tinh thể vụn grafit.

Do cấu trúc xốp và bản than xung quanh mạng tinh thể của than hoạt tính có một lực hút rất mạnh, nên than hoạt tính có khả năng hấp phụ khác thường đối với các chất có gốc hữu cơ.

Bảng 6: Các thông số kỹ thuật của than hoạt tính

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Độ hấp phụ	Mmol/g	4,11-10,07
2	Bề mặt riêng	M ² /g	800-1.800
3	Tổng lỗ xốp	Cm ³ /g	1,25-1,6
4	Thể tích lỗ bé	Cm ³ /g	0,34-0,79
5	Thể tích lỗ trung	Cm ³ /g	0,027-0,102
6	Thể tích lỗ to	%	0,36-0,79
7	Tẩy màu	%	42-75
8	Độ ẩm	%	5-8
9	Độ tro	%	5 (max)
10	Độ bền	%	>96

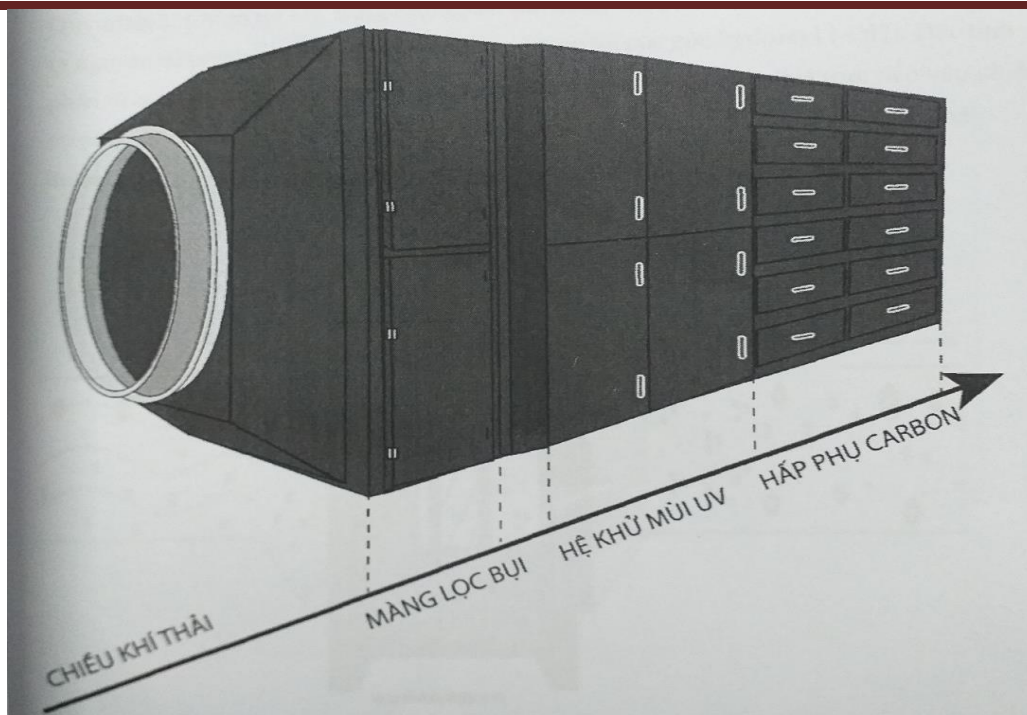
Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý:

- Bước 1: Lọc sơ cấp mục đích nhằm loại bỏ được bụi thô khỏi dòng khí thải, bộ lọc còn có tác dụng giảm áp lực lên trên hệ thống bóng đèn UV.

- Bước 2: Mùi chất thải bao gồm chất hữu cơ bay hơi VOC được xử lý dựa vào năng lượng photon cực lớn của tia UV và khả năng oxy hóa mạnh của khí ozone.

- Bước 3: Tháp hấp phụ than hoạt tính có tác dụng hấp thụ mùi khí thải tồn dư sau khi bị oxy hóa, hấp thụ khí ozone dư và các chất hữu cơ VOCs chưa được xử lý.

Máy hút than hoạt tính là máy có hiệu suất cao, sử dụng công nghệ lọc không khí tiên tiến. Có thiết bị điều khiển điều chỉnh tốc độ lọc.



Hình 9: Sơ đồ hoạt động của tháp hấp phụ

2.3 Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

2.3.1. Giảm thiểu bụi, khí thải của các phương tiện do bốc xếp, vận chuyển

Các biện pháp được áp dụng như sau:

- Khi vận chuyển nguyên liệu từ nơi cung cấp đến khu vực nhà máy, các phương tiện vận chuyển sẽ có các tấm bạt che phủ nhằm hạn chế tối đa các tác động của bụi và tránh khuếch tán bụi vào môi trường không khí do tác động của gió, không chở hàng hóa vượt quá tải trọng. Không sử dụng các loại phương tiện quá thời hạn lưu hành.

- Bố trí, sắp xếp các xe ra vào hợp lý, khoa học; hạn chế xuất nhập hàng giờ cao điểm.

- Sử dụng nhiên liệu xăng dầu đạt tiêu chuẩn, không sử dụng xăng dầu trôi nổi, không đảm bảo chất lượng;

- Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện vận chuyển của nhà máy;

- Bố trí công nhân thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sân bãi, nhà xưởng để hạn chế ô nhiễm do bụi gây ra.

- Công ty trồng cây xanh xung quanh khuôn viên nhà máy để tạo bóng mát, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường.

- Thực hiện tưới nước làm ẩm bề mặt sân, đường vận chuyển nội bộ và công ra vào nhà máy trong những ngày nắng, tần suất tưới 02 lần/ngày nhằm hạn chế ảnh hưởng của bụi, nhiệt, giữ cho môi trường xung quanh nhà máy sạch sẽ, thoáng mát.

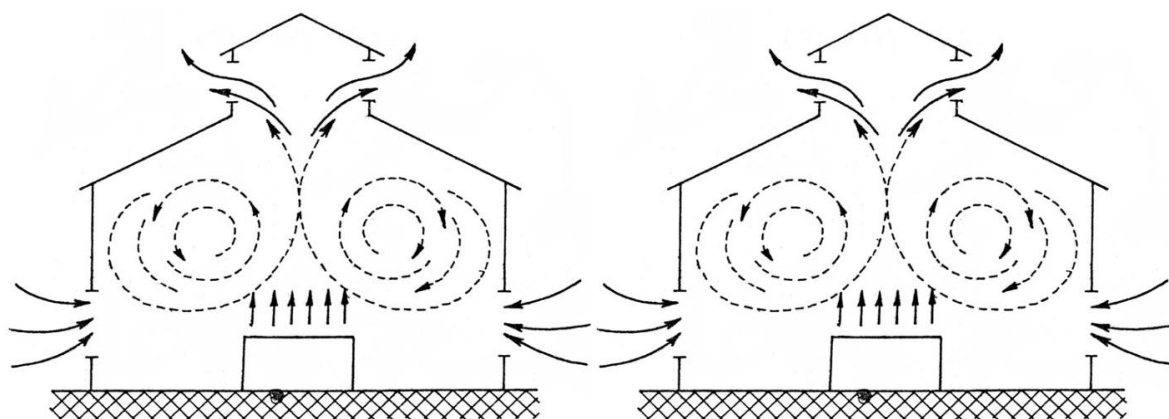
Khi thực hiện các biện pháp như trên lượng bụi, khí thải sẽ được khống chế, giảm thiểu phát tán tối đa.

2.3.2. Biện pháp giảm thiểu mùi tại xưởng sản xuất

Nguồn phát sinh mùi và hơi nhựa tại xưởng sản xuất mang tính phân tán nên đối với khí thải từ các khu vực này không thể xử lý tập trung mà công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý ngay tại nguồn phát sinh. Cụ thể:

Như đã trình bày ở trên, biện pháp giảm thiểu tác động của khí thải, đặc biệt là hơi nhựa trong quá trình sản xuất được thu hồi bằng các chụp hút và dẫn vào tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý. Ngoài ra công ty còn áp dụng biện pháp giảm thiểu bằng phương pháp thông gió tự nhiên từ quá trình thiết kế nhà xưởng.

Công ty sử dụng hệ thống quạt hút gió công nghiệp có công suất lớn tại các nhà xưởng sản xuất. Bố trí các quạt gió công nghiệp để lắp đặt ở các vị trí có công nhân vận hành. Ngoài ra, công nhân làm việc trong các nhà xưởng được trang bị quần áo bảo hộ, khẩu trang.



Hình 10. Nguyên lý thông gió nhà xưởng tự nhiên

2.3.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm mùi hôi tại khu vực lưu giữ rác thải:

*** Đối với mùi tại khu vực lưu giữ rác thải sinh hoạt:**

- Rác thải sinh hoạt được thu gom thường xuyên, tần xuất thu gom rác thải sinh hoạt là 1 - 2 lần/tuần. Khu lưu giữ rác sinh hoạt phải được quét dọn sạch sẽ, không để rác thải sinh hoạt rơi vãi trên nền nhà.

- Để ngăn ngừa côn trùng, ruồi muỗi, định kỳ 03 tháng/lần tiến hành phun thuốc diệt ruồi, muỗi.

*** Đối với mùi tại hệ thống xử lý nước sinh hoạt của nhà máy:**

- Định kỳ vệ sinh đường ống.

- Sử dụng các loại chế phẩm sinh học (EM) và tăng hiệu quả xử lý của bể thu gom nước thải.

- Sử dụng các hệ thống bể kín;

- Bố trí ở nơi cuối hướng gió và có giải pháp che chắn phù hợp.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

*** Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh:**

Với số lượng cán bộ, công nhân viên hiện đang làm việc tại nhà máy là 180 người thì ước tính khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 60kg/ngày (căn cứ vào hoạt động thực tế tại nhà máy).

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ (như đồ ăn, rau, quả,..); các chất khó phân huỷ như túi nilon đựng thực phẩm, các thùng, hộp carton, vỏ lon bia, nước ngọt.... Các chất thải rắn sinh hoạt nếu không được thu gom và xử lý đúng quy định sẽ bị phân huỷ, phát sinh các chất khí gây mùi hôi như H₂S, CH₄,... tác động đến chất lượng không khí khu vực xung quanh dự án, ảnh hưởng trực tiếp đến cán bộ, nhân viên, làm việc tại cơ sở và mỹ quan khu vực.

*** Biện pháp lưu giữ, xử lý CTR sinh hoạt**

- Công ty tiến hành trang bị và bố trí 06 thùng, dung tích 120L chứa có nắp đậy tại nơi phát sinh để phân loại và thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

- Công ty không tự xử lý chất thải mà thuê đơn vị Công ty TNHH môi trường Bình Xuyên đến để vận chuyển và đem đi xử lý hàng ngày. (Có hợp đồng xử lý rác kèm theo báo cáo).

3.2. Chất thải sản xuất

Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh tại cơ sở chủ yếu là bao bì thải với khối lượng phát sinh khoảng 63kg/ngày.

*** Biện pháp lưu giữ, xử lý Chất thải sản xuất**

- Chất thải rắn sản xuất được thu gom và tái sử dụng sản xuất hàng ngày.
- Cặn bùn trong bể tự hoại, HTXLNT được công ty thuê đơn vị chuyên hút, vận chuyển bể phốt đem đi xử lý.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình lau chùi, sửa chữa máy móc, trang thiết bị, chất thải rắn này chủ yếu là rẻ lau dính dầu mỡ, mực in, bóng đèn cháy hỏng. Lượng chất thải này phát sinh rất ít, không đáng kể.

Bảng 7: Danh mục chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bùn mực in thải	Rắn	40	08 02 02
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	07	16 01 06
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	55	18 01 02
4	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, dung môi, keo thải	Rắn	17	18 02 01
Tổng cộng			119	

Lưu trữ: Công ty đã thu gom lưu chứa chất thải nguy hại vào khu vực lưu chứa riêng với diện tích 8m². Kho lưu chứa được thiết kế đảm bảo theo đúng quy định.

Biện pháp đối với chất thải rắn nguy hại:

- Cơ sở cam kết quản lý các CTNH theo quy định hiện hành.
- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH riêng theo quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Chất thải nguy hại đảm bảo được lưu giữ riêng theo quy định không được để lẫn CTNH với CTR thông thường.
- Mỗi loại CTNH được công nhân dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định. Kho chứa CTNH có biển cảnh báo CTNH.
 - Thu gom tối đa lượng dầu mỡ rơi vãi và giẻ lau dính dầu mỡ...được thu gom, lưu chứa tại các thùng chứa (dung tích 120 lít), có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã CTNH và biển cảnh báo theo quy định.
 - Lượng chất thải phát sinh không đáng kể, công ty tạm thời lưu giữ tại kho chứa chất thải diện tích 8m². Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật (có hợp đồng kèm theo phụ lục báo cáo).
 - + Nhà rác có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
 - + Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH bằng vật liệu không cháy, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH.
 - + Có phân chia cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hoá học với nhau bằng vách không cháy cao hơn chiều cao xếp CTNH.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tạo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn cho phép.
- Phòng bảo dưỡng sẽ lên kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong nhà máy.
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở vị trí phát sinh tiếng ồn.
- Bố trí thời gian lao động hợp lý lao động nhằm giảm thời gian tiếp xúc với

tiếng ồn.

- Kiểm tra sức khỏe cho người lao động theo quy định.

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động.

- Tuyên truyền, giáo dục về mức độ nguy hại của tiếng ồn đến sức khỏe người lao động. Lồng ghép nội dung này vào chương trình đào tạo an toàn vệ sinh lao động của công ty.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành

a. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

- Đào tạo và sử dụng người lao động lành nghề.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ lao động, bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí trong nhà xưởng.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc thiết bị, nhà xưởng, kho tàng theo tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh lao động.

- Tổ chức tổ cứu thương thường trực tại nhà máy để sơ cứu các trường hợp tai nạn lao động và vận chuyển đến bệnh viện khi cần thiết.

b. Biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông

- Các loại xe tải tham gia vận chuyển phải có giấy đăng kiểm, lái xe phải có bằng lái, không chở quá tải trọng cho phép và chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ.

- Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện, không sử dụng các phương tiện không bảo đảm an toàn.

- Các phương tiện vận chuyển không được chạy nhanh vượt ẩu, tránh dừng đỗ xe trên các tuyến đường hẹp.

- Bố trí thời gian xuất, nhập nguyên vật liệu và sản phẩm hợp lý trong ngày để hạn chế tai nạn giao thông.

- Sửa chữa, bảo dưỡng tuyến đường giao thông nếu xảy ra sự cố hư hỏng, xuống cấp do hoạt động vận tải của nhà máy.

c. Biện pháp chăm sóc sức khỏe cho công nhân

Trong công tác quản lý lao động, bên cạnh việc bố trí lao động làm việc khoa học, hợp lý nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động thì việc chăm sóc sức khỏe cho công nhân là điều rất cần thiết. Nhà máy sẽ bố trí cán bộ y tế thường xuyên túc trực trong suốt quá trình sản xuất, khi đi vào hoạt động ổn định. Nhà máy đầu tư một số trang thiết bị cần thiết như thuốc, dụng cụ y tế nhằm đảm bảo sơ cứu ban đầu cho công nhân khi có sự cố về sức khỏe và lao động xảy ra.

Định kỳ hàng năm phải kiểm tra sức khỏe cho công nhân nhằm đánh giá sức khỏe và phát hiện sớm các bệnh liên quan đến hoạt động sản xuất và có phương án điều trị kịp thời.

d. Biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Mỗi ngày đều có các cán bộ, công nhân làm việc và sinh hoạt ngay tại nhà máy, do vậy công ty phải chú trọng đến công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ cho cán bộ, công nhân viên:

- Lựa chọn cán bộ cấp dưỡng có chuyên môn về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Thường xuyên được tập huấn cho cán bộ cấp dưỡng về an toàn thực phẩm.
- Bên cạnh đó việc cấp dưỡng cho cán bộ, công nhân viên nhà máy phải được chú trọng từ khâu lựa chọn các loại thực phẩm (thực phẩm phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng) đến khâu bảo quản và chế biến thực phẩm.
- Phối hợp với cơ quan quản lý lập các phương án ứng phó sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm.

d. Biện pháp phòng chống cháy nổ

Để đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định liên tục, nhà máy thường xuyên phải dự trữ một lượng nguyên, nhiên liệu phục vụ sản xuất; nếu hệ thống kho và các trang thiết bị đi kèm theo không đảm bảo điều kiện cho an toàn PCCC thì đây là nguy cơ gây cháy và sự cố môi trường do chập điện hoặc ý thức chấp hành an toàn của công nhân không tốt.

Để phòng ngừa các sự cố cháy nổ trong quá trình hoạt động, công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy trình, quy định hiện hành của Nhà nước về PCCC, an toàn lao động.

- Trong quá trình sản xuất và điều hành phải tuân thủ các quy trình bắt buộc: Quy phạm về nội quy an toàn lao động.

- Đối với các thiết bị sử dụng điện phải có tiếp đất an toàn, những nơi nguy hiểm phải có biển báo.

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy của cơ sở, được chia thành các tổ thường trực, ban chuyên trách tại từng xưởng sản xuất, sẵn sàng ứng cứu khi có dấu hiệu cháy nổ xảy ra trong khu vực dự án.

- Luôn bố trí đầy đủ phương tiện dùng phòng cháy chữa cháy gồm các bình bột CO₂, bể cát và các họng nước cứu hỏa được bố trí tại các vị trí thích hợp.

- Hàng năm toàn bộ cán bộ, nhân viên phục vụ và công nhân làm việc đều được huấn luyện định kỳ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đặc biệt đối với lực lượng phòng cháy chữa cháy của nhà máy.

- Đường nội bộ trong khu vực dự án và giữa các xưởng sản xuất đảm bảo thông suốt cho phương tiện chữa cháy xe cứu hỏa thao tác, đảm bảo không chế được bất kỳ ngọn lửa phát sinh ở vị trí nào trong khu vực nhà máy.

- Cấm hút thuốc lá, bật lửa...trong khu vực dễ cháy nổ (bãi đỗ xe, khu nhà xưởng, kho nhiên liệu...) và đảm bảo khoảng cách ly an toàn.

- Định kỳ hàng năm tham gia tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kiểm tra về công tác an toàn và phòng chống cháy nổ.

e. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó thiên tai

Để phòng ngừa và ứng phó với sự cố tự nhiên nhằm hạn chế tới mức thấp nhất ảnh hưởng của chúng, Chủ dự án đã áp dụng các biện pháp sau:

- Dự án đã có kế hoạch cảnh báo về những thời tiết bất thường đối với công nhân. Tu sửa và gia cố nhà xưởng khi cần và trước mùa mưa bão.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống chống sét và mạng điện của nhà máy.

- Khi có các hiện tượng thời tiết bất lợi như dông bão, mưa lớn, sét... cần có biện pháp hạn chế công tác ngoài trời, nhanh chóng che chắn nguyên vật liệu, thu gọn phương tiện, đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

- Khi xảy ra sự cố sẽ áp dụng ngay các biện pháp ứng cứu kịp thời.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý để đưa ra các giải pháp ứng phó khi xảy ra sự cố.

Sự cố ngập úng có thể xảy ra tuy nhiên theo đánh giá khả năng rất thấp, do vị trí quy hoạch nhà máy thuận lợi cho khâu tiêu thoát nước (theo mương dẫn giáp nhà máy), cốt nền cao và trong quá trình xây dựng đã bố trí đồng bộ tuyến thoát nước theo phương án được phê duyệt. Công ty có thể bố trí thêm

02 máy bơm dự phòng trong trường hợp xảy ra ngập úng cục bộ khi trời mưa lớn để kịp thời ứng phó.

f. Biện pháp giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý nước thải

Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại HTXLNT và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

- Hệ thống xử lý nước thải quá tải, không xử lý hết lượng nước thải phát sinh. Do đó, công ty đã tính toán và thiết kế ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Các máy móc, thiết bị (như: bơm, máy thổi khí,...) đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

- Cử cán bộ thường xuyên vận hành và kiểm tra giám sát hoạt động của hệ thống xử lý. Khi có sự cố thì sẽ tiến hành sửa chữa ngay.

Các sự cố đối với bùn ở bể lắng và biện pháp khắc phục, kiểm soát:

- Bùn hoạt tính sẽ gia tăng theo thời gian. Theo sự gia tăng của bùn có sự xuất hiện của nitrat và nitrit, tăng dần lượng nước cần xử lý hoặc giảm độ pha loãng. Có thể sử dụng bùn có sẵn từ bể aerotank bất kỳ hoặc bùn hoạt tính phơi ở 60⁰C. Trong bùn hoạt tính hoạt động tốt, ngoài các bông tập trung các động vật vi sinh còn gặp một lượng không lớn thảo trùng (trùng lông), trùng xoắn, giun. Khi điều kiện làm việc ổn định bị phá vỡ, trong bùn phát triển các vi khuẩn dạng chỉ (sphaerotilus, cladothrix) thực vật nhánh (zooglea ramigeras, các nấm nước...). Các dạng thực vật này làm cho bùn nổi, bùn này khó lắng trong bể lắng và bị cuốn trôi theo nước ra với lượng đáng kể.

Nguyên nhân của sự nổi bùn là bể aerotank quá tải, có lượng lớn cacbon trong nước thải, không cấp đủ oxy, pH nước trong aerotank thấp. Để khống chế sự nổi bùn cần phải giảm tải trọng bể aerotank. Thậm chí tạm thời ngừng không cho nước thải vào, hoặc tăng lượng oxy hòa tan trong bể aerotank, nâng pH dòng vào đến 8,5, 9,5 trong khoảng thời gian nào đó tuy nhiên đối với nước thải sinh hoạt tính chất ổn định không có hiện tượng này. Khi vận hành nhiều bể lắng 2 cần phải phân bố đồng đều lưu lượng nước thải và bùn hoạt tính giữa chúng cũng như tách bùn hoạt tính ra khỏi các bể lắng. Việc tách bùn hoạt tính hoàn toàn có thể tiến hành liên tục và không cho hình thành lớp bùn nằm trong bể lắng. Việc tách bùn

không đúng thời gian sẽ làm bẩn và làm giảm chất lượng nước đã xử lý, ngoài ra còn làm nổi bùn đã lắng. Nguyên nhân lõi cuốn bùn từ bể lắng 2 có thể do nồng độ bùn cao hơn giới hạn đối với tải trọng đã cho.

g. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống xử lý khí thải và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng khí thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

Bảng 8. Tổng hợp các sự cố thường gặp và cách khắc phục khi vận hành trạm xử lý nước thải

TT	Tên bể	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Bể Điều Hòa	Bơm yếu hoặc không chạy	- Do tác rác dẫn đến kẹt cánh quạt bơm	- Vệ sinh rọ rác hàng ngày tại hố gom - Tháo bơm ra kiểm tra lại.
			- Mất nguồn điện cấp vào	- Bơm hỏng -> thay bơm khác đúng chủng loại - Kiểm tra lại nguồn điện cấp vào bơm.
			- Phao tín hiệu hỏng	- Kiểm tra lại phao. - Thay phao nếu phao hỏng.
		Tràn nước bể điều hòa	- Bơm bể điều hòa sang thiếu khí bị lỗi - Đường thu gom quá tải	- Kiểm tra bơm bể điều hòa. - Kiểm tra đường thu gom và các đường xả nước thải các nhà vệ sinh, kiểm tra bồn vệ sinh xem có bị hở nước hay không.
		Không có khí cấp vào bể	- Máy thổi khí - Chưa mở van điều chỉnh	- Kiểm tra lại máy thổi khí. - Kiểm tra lại van điều chỉnh khí ở bể điều hòa.
2	Bể thiếu khí Anoxic	Bùn không đảo hoặc đảo không đều	Mất nguồn điện cấp vào máy khuấy Do máy khuấy mắc rác	Kiểm tra lại nguồn đầu vào máy khuấy. Kiểm tra máy đảo nước.
		Nước đảo nhưng không có bùn, màu nước trong hoặc đen	- Do vận hành sai dẫn tới mất bùn	Tiến hành nuôi cấy lại.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

3	Bể hiếu khí	Máy thổi khí yếu hoặc không chạy	- Mất nguồn điện cấp vào	- Kiểm tra lại nguồn điện cấp vào máy - máy hỏng -> thay bơm khác đúng chủng loại .
		Không có khí cấp vào bể	- Máy thổi khí - Chưa mở van điều chỉnh	- Kiểm tra lại máy thổi khí. - Kiểm tra lại van điều chỉnh khí ở bể hiếu khí.
		Đệm vi sinh bị bung và không cố định 1 chỗ	- Hỏng chức năng cố định đệm trên mặt bể - Đệm hết thời hạn sử dụng (12-24 tháng)	- Chăng và cố định lại lớp đệm vi sinh bị bung. - Thay thế đệm mới nếu hết thời hạn sử dụng.
		Mất bùn hoặc bùn bị vỡ nhỏ	- Do sục khí quá mạnh - Sai quy trình vận hành hoặc mất điện,...	- Kiểm tra lại toàn bộ hệ thống. - Nuôi cấy vi sinh lại.
		Bể sinh học chứa đầy bọt trắng	- Hỗn hợp rắn lơ lửng có thể thấp - Vi sinh bị ức chế dẫn đến phân hủy nội bào	- Giảm tải bùn, tăng hỗn hợp rắn lơ lửng. - Xem lại hệ thống vận hành.
		Khí không đều trên bề mặt bể, bọt khí đường kính không nằm trong khoảng 4-5mm	- Bị mất áp cho dàn khí - Đĩa khí hết thời hạn sử dụng	- Điều chỉnh lại van khí thay đổi áp cho phù hợp. - Thay thế đĩa khí mới nếu hết hạn sử dụng.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

4	Bể lắng sinh học	- Bùn nổi nhiều	- Bùn bị phân hủy kỵ khí và lắng chưa hiệu quả do quy trình hoặc cấu tạo bể lắng	- Kiểm tra lại quy trình vận hành bể anoxic và bể hiếu khí. - Bể lắng không tĩnh nước có những dòng chuyển động.
		Tràn bể lắng	Đường bơm bể điều hòa điều chỉnh không đúng công suất.	Điều chỉnh lại công suất theo công suất thiết kế của đường bơm bể điều hòa sang thiếu khí.
		Độ đậm đặc trong bùn hồi lưu rất thấp	- Tỷ lệ bùn hồi lưu quá cao. - Dạng hình sợi phát triển.	- Giảm tỷ lệ bùn hồi lưu. - Kiểm tra sự tăng trưởng, phát triển pH, DO và thêm clo.
5	Bể khử trùng	Mọc tảo rêu hoặc có vi sinh vật phù du	Clo khử trùng	Kiểm tra đường ống dẫn clo, clo.
		Nước màu không trong	Sai quy trình vận hành	Kiểm tra lại quy trình vận hành

Bảng 9. Tổng hợp các sự cố thường gặp và cách khắc phục khi vận hành hệ thống xử lý khí thải

TT	Tên công trình	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Tháp phản ứng	Tắc nghẽn đầu ra khí thải	- Motor không hoạt động	- Kiểm tra thiết bị đóng cắt nguồn điện motor khuấy trộn đang để ở chế độ mở chưa? Nếu ở chế độ đóng cần bật lại thiết bị cho đúng ở chế độ mở.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

				- Kiểm tra dây dẫn điện đến motor khuấy trộn có đứt không, nếu đứt thì đầu nối và quấn băng keo điện.
			- Motor không đúng pha điện	- Kiểm tra chiều quay của động cơ (motor) đúng chiều ghi trên thiết bị chưa? Chưa đúng thì cần đảo lại pha điện
			- Tắc nghẽn - Thiếu áp trong đường ống bơm định lượng	- Kiểm tra, sửa chữa - Thông đường ống hút, ống xả và van một chiều. - Tháo ống, tăng áp.
2	Nhà điều hành	Tủ điều khiển báo sự cố các máy móc không hoạt động	Dây điện nguồn bị đứt	Kiểm tra lại nguồn điện đầu nối quấn băng keo điện
			- Quá tải dòng thiết bị. - Chân tiếp xúc kém	Đo lại dòng điện tới các thiết bị, sau đó kiểm tra các thiết bị tại các bể. Kiểm tra các chân tiếp xúc tại các cầu đấu.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Bảng 10: Các công trình thay đổi đã được xây dựng

TT	Tên công trình	Phương án đề xuất theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã xây dựng	Giải trình phương án thay đổi điều chỉnh
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt	Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn dung tích 40 m ³ và bể tách dầu mỡ dung tích 5m ³ để xử lý sơ bộ nước thải, sau đó được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp.	Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn dung tích 40m ³ và bể tách dầu mỡ dung tích 5m ³ để xử lý sơ bộ nước thải. Xây dựng HTXL nước thải công suất 25m ³ /ngày đêm để xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực sau đó chảy ra suối Khuôn Ráng.	Đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.
2	Công trình xử lý bụi, khí thải	Chỉ áp dụng biện pháp thông gió tự nhiên và bố trí quạt công nghiệp.	Xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải công suất 8.000m ³ /giờ tại khu vực gia nhiệt.	Đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1 Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh do quá trình sinh hoạt của công nhân viên tại nhà máy. Được dẫn về HTXL nước thải công suất 25m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Lưu lượng xả nước thải nước thải sinh hoạt tối đa: 25m³/ngày.đêm (theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 61/GP-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh).

- Dòng nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ sau đó được thu gom bơm ra HTXLNT công suất 25 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải sau HTXLNT chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực, sau đó chảy ra suối Khuôn Ráng.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, C_{max} với K=1,2. Cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	TSS	mg/l	120		
4	TDS	mg/l	1.200		
5	Sunfua	mg/l	4,8		
6	Amoni	mg/l	12		
7	Nitrat	mg/l	60		

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat	mg/l	12		
11	Colifrom	MPN/100 ml	6.000		

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: Thôn Khuôn Ráng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

+ Tọa độ vị trí xả thải của Dự án (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trục 106, múi chiều 3⁰)

$$X= 2395033 \quad Y= 435748$$

+ Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực sau đó chảy ra suối Khuôn Ráng theo phương thức tự chảy.

+ Chế độ xả thải: liên tục.

+ Nguồn tiếp nhận: Suối Khuôn Ráng, thôn Khuôn Ráng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: 01 điểm phát sinh khí thải từ khu vực gia nhiệt.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa

Lưu lượng xả khí thải tối đa của nguồn số 01 là 8.000 m³/h.

- Dòng khí thải:

+ Dòng khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn kéo sợi gia nhiệt được thu gom bằng 02 phễu hút, dưới tác dụng của quạt hút, khí thải sẽ được thu gom theo hệ thống đường ống dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Cột B, QCVN 19: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

và các chất vô cơ, Cmax với Kp=1, Kv=1 và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quy chuẩn so sánh	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Nguồn số 01					
1	Lưu lượng	m ³ /h		Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT	Không thuộc đối tượng cần thực hiện	Không thuộc đối tượng cần thực hiện
2	SO ₂	mg/Nm ³	500			
3	CO	mg/Nm ³	1.000			
4	NO ₂	mg/Nm ³	850			
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	200			
6	Benzen	mg/Nm ³	5	QCVN 20:2009/BTNMT		

- Vị trí, phương thức xả khí thải của nguồn số 01:

+ Vị trí xả thải: Trong khuôn viên Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì, cụm công nghiệp Phúc Ứng, thôn Khuôn Ráng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

+ Tọa độ vị trí xả thải của dự án (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trục 106, múi chiều 3⁰)

$$X = 2395100$$

$$Y = 435830$$

+ Phương thức xả thải: Xả thải gián đoạn.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy kéo sợi, máy dệt
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy may gia công.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của máy cắt.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng sợi, dệt

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn của dự án (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 106, múi chiều 3⁰)

X= 2395040

Y= 435801

- Nguồn số 02: tại khu vực xưởng may gia công.

+ Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn của dự án (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trục 106, múi chiều 3⁰)

X= 2395029

Y= 435806

- Nguồn số 03: Tại khu vực đặt máy cắt.

+ Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn của dự án (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trục 106, múi chiều 3⁰)

X= 2395042

Y= 435804

Giá trị giới hạn: - Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

***Bảng 11. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương),
dBA***

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)
1	Khu vực thông thường	6 giờ - 21 giờ	70
		21 giờ - 6 giờ	55

Bảng 12. Giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức gia tốc rung cho phép, dB
2	Khu vực thông thường	6 giờ - 21 giờ	75
		21 giờ - 6 giờ	60

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

*** Quan trắc định kỳ năm 2021 đối với nước thải:**

Cơ sở “Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương” của công ty đi vào hoạt động từ tháng 7/2021. Do đó công ty thực hiện quan trắc từ năm 2022.

*** Quan trắc định kỳ năm 2022 đối với nước thải:**

- Vị trí quan trắc: Điểm xả thải sau xử lý

- Loại mẫu: Mẫu nước thải

- Ký hiệu mẫu: DHT - NTSH1

- Thời gian lấy mẫu:

Đợt 1: Ngày 23/3/2022

Đợt 2: Ngày 08/6/2022

Đợt 3: Ngày 09/8/2022

Đợt 4: Ngày 04/10/2022

Bảng 13: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích mẫu DHT - NTSH1				QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	7,31	7,6	7,3	7,6	5-9

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

2	TSS	mg/l	73	77	75	77	100
3	BOD5	mg/l	31,3	32,4	32,7	33,4	50
4	COD	mg/l	62,9	62,8	63,4	64,8	-
5	Tổng dầu mỡ	mg/l	0,6	0,8	0,6	1,2	20
6	Amoni	mg/l	4,08	4,15	4,3	5,0	10
7	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.500	3.500	3.400	3.900	5.000

Ghi chú Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

*** Quan trắc định kỳ năm 2023 đối với nước thải:**

Đầu năm 2023, công ty tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Do đó công ty thực hiện quan trắc nước thải vào tháng 10/2023.

- Vị trí quan trắc: Điểm xả thải sau xử lý

- Loại mẫu: Mẫu nước thải

- Ký hiệu mẫu: NT.01

- Thời gian lấy mẫu: 09/10/2023

Bảng 14: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả ngày 09/10/2023	QCVN 14:2008/BTNMT (NT)
				NT.01	Cột B ⁽¹⁾
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,20	5 ÷ 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	100
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	10	-
4	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B:2017	4	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	<0,6	10
6	Tổng Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	460	5.000
7	Tổng dầu mỡ ^(***)	mg/L	SMEWW 5520B: 2017	1,5	-

Ghi chú Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

*** Quan trắc định kỳ năm 2021 đối với khí thải:**

Cơ sở “Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương” của công ty đi vào hoạt động từ tháng 7/2021. Do đó công ty thực hiện quan trắc từ năm 2022.

*** Quan trắc định kỳ năm 2022 đối với khí thải:**

Trong quá trình đi vào hoạt động ổn định, công ty tiến hành xây dựng hệ thống xử lý khí thải. Do đó trong năm 2022 công ty chưa thực hiện quan trắc khí thải. Công ty thực hiện quan trắc chất lượng không khí khu vực sản xuất từ đợt tháng 3/2022.

STT	Kí hiệu mẫu	Loại quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
I	Môi trường không khí làm việc		
1	DHT-KK1	Quan trắc môi trường tác động	Khu vực nhà điều hành
2	DHT-KK2	Quan trắc môi trường tác động	Khu vực xưởng sợi, dệt
3	DHT-KK3	Quan trắc môi trường tác động	Khu vực xưởng may gia công

- Thời gian lấy mẫu:

Đợt 1: Ngày 23/3/2022

Đợt 2: Ngày 08/6/2022

Đợt 3: Ngày 09/8/2022

Đợt 4: Ngày 04/10/2022

Bảng 15: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất đợt 1/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc ngày 23/3/2022			QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3	
1	Nhiệt độ	°C	20,9	20,6	21,4	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	62,5	66,3	67,7	40-80 ⁽¹⁾

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc ngày 23/3/2022			QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3	
3	Tốc độ gió	m/s	1,3	0,5	0,4	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	60,8	65,4	63,4	85 ⁽²⁾
5	CO	mg/m ³	5,250	5,460	6,575	20
6	SO ₂	mg/m ³	0,370	0,460	0,694	5
7	NO ₂	mg/m ³	0,355	0,435	0,689	5
8	Bụi TSP	mg/m ³	0,224	0,941	0,896	8 ⁽³⁾
9	VOCs	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	-

Bảng 16: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất đợt 2/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc ngày 08/6/2022			QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3	
1	Nhiệt độ	°C	28,5	30,3	30,2	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	68,4	66,6	65,2	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	0,4	0,4	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	63,8	65,9	64,5	85 ⁽²⁾
5	CO	mg/m ³	5,180	5,885	5,250	20
6	SO ₂	mg/m ³	0,318	0,561	0,384	5
7	NO ₂	mg/m ³	0,304	0,544	0,369	5
8	Bụi TSP	mg/m ³	0,613	0,977	0,884	8 ⁽³⁾

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc ngày 08/6/2022			QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3	
9	VOCs	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	-

Bảng 17: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất đợt 3/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc ngày 09/8/2022			QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3	
1	Nhiệt độ	°C	29,2	31,1	31,6	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	69	71,3	69,6	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	0,5	0,5	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	67,2	69,4	71,1	85 ⁽²⁾
5	CO	mg/m ³	5,240	5,938	5,553	20
6	SO ₂	mg/m ³	0,283	0,556	0,418	5
7	NO ₂	mg/m ³	0,279	0,540	0,400	5
8	Bụi TSP	mg/m ³	0,598	0,988	0,894	8 ⁽³⁾
9	VOCs	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	-

Bảng 18: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất đợt 4/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc ngày 04/10/2022			QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3	
1	Nhiệt độ	°C	25,7	25,8	25,9	18-32 ⁽¹⁾

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc ngày 04/10/2022			QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3	
2	Độ ẩm	%	67,3	67,5	67,9	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	0,5	0,6	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	64,0	69,0	69,5	85 ⁽²⁾
5	CO	mg/m ³	5,180	5,616	5,375	20
6	SO ₂	mg/m ³	0,275	0,529	0,405	5
7	NO ₂	mg/m ³	0,261	0,516	0,378	5
8	Bụi TSP	mg/m ³	0,584	0,994	0,987	8 ⁽³⁾
9	VOCs	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	-

*** Quan trắc định kỳ năm 2023 đối với khí thải:**

Đầu năm 2023, công ty tiến hành xây dựng hệ thống xử lý khí thải. Do đó công ty thực hiện quan trắc khí thải vào tháng 9/2023 và môi trường không khí sản xuất vào tháng 10/2023.

- Thời gian lấy mẫu: 05/9/2023 và 09/10/2023

STT	Kí hiệu mẫu	Loại quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
I	Môi trường không khí làm việc		
1	KLV.01	Quan trắc môi trường tác động	Khu vực nhà điều hành
2	KLV.02	Quan trắc môi trường tác động	Khu vực xưởng sợi, dệt

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

STT	Kí hiệu mẫu	Loại quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
3	KLV.03	Quan trắc môi trường tác động	Khu vực xưởng may gia công
4	KT1	Quan trắc môi trường phát thải	Khí thải đầu ra hệ thống xử lý mùi, hơi nhựa

Bảng 19: Kết quả quan trắc khí thải tháng 9/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả ngày 05/9/2023	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT.01	Cột B ⁽¹⁾
1	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	500
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	1.000
3	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	850
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<18	200
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,09	5 ^a

Ghi chú Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

- (a) QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Bảng 20: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ không khí khu vực sản xuất tháng 10/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả ngày 09/10/2023	QCVN 03:2019/BYT
----	----------	--------	-------------------------	------------------

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

			KLV.01	KLV.02	KLV.03	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
1	Nhiệt độ ^(*)	⁰ C	29,5	31,3	32,8	16 ÷ 34 ^a
2	Độ ẩm ^(*)	%	65,3	67,3	66,3	40 ÷ 80 ^a
3	Tốc độ gió ^(*)	m/s	<0,6	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5 ^a
4	Tiếng ồn ^(*)	dBA	53,0	76,4	75,3	85 ^b
5	CO	mg/m ³	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	40
6	NO ₂	mg/m ³	<0,027	0,035	0,049	10
7	SO ₂	mg/m ³	0,033	0,041	0,053	10
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(*)	mg/m ³	0,169	0,181	0,177	8 ^c
9	Benzen	mg/m ³	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	15

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở có các công trình xử lý chất thải chính bao gồm HTXL nước thải sinh hoạt 25 m³/ngày và Hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính.

1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 21: Bảng thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình VHTN
HT xử lý nước thải	01/2/2024	01/6/2024	70 -80%
HT xử lý khí thải	01/2/2024	01/6/2024	70 -80%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 22. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu nước thải giai đoạn vận hành ổn định của công trình

TT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu	Chỉ tiêu đo đạc, quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Điểm xả thải sau xử lý	- Lấy mẫu: 03 mẫu/3 ngày. - Thời gian dự kiến: 03 ngày lấy mẫu. Chủ dự án tự quyết định thời gian vận hành ổn định các công trình trong khoảng thời gian vận hành thử nghiệm từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm đến khi kết thúc vận hành thử nghiệm	Nước thải: pH, TSS, BOD5, COD, NH ₄ ⁺ , dầu mỡ ĐTV, tổng Coliform	Cột B, QCVN 14:2008/ BTNMT

Bảng 23. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu khí thải giai đoạn vận hành ổn định của công trình

TT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu	Chỉ tiêu đo đạc, quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Tại ống khói của HTXL khí thải	- Lấy mẫu: 03 mẫu/3 ngày. - Thời gian dự kiến: 03 ngày lấy mẫu. Chủ dự án tự quyết định thời gian vận hành ổn định các công trình trong khoảng thời gian vận hành thử	CO, SO ₂ , NO ₂ , VOC (benzen), bụi tổng	QCVN 19:2009/BTN MT QCVN 20:2009/BTN

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

		thử nghiệm từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm đến khi kết thúc vận hành thử nghiệm		MT
--	--	--	--	----

Ghi chú: Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

- Chủ dự án chủ động thông báo ngày lấy mẫu vận hành ổn định cho cơ quan chức năng trước 10 ngày để theo dõi và giám sát.

**** Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch***

Chủ dự án sẽ phối hợp cùng với Công ty cổ phần tập đoàn FEC để thực hiện quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm của cơ sở.

**** Thông tin về Công ty Cổ phần tập đoàn FEC***

- Địa chỉ văn phòng: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Hào

- Điện thoại: 02046.285.678; E-mail: Lad215.fec@gmail.com

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2400813620 đăng kí lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03 tháng 09 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: Mã số Vimcerts 279 theo Quyết định số 385/BTNMT ngày 04/03/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ theo điều 97 và điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng cần thực hiện quan trắc định kỳ khí thải và nước thải. Tuy nhiên để nhằm chủ động theo dõi giám sát chất lượng nước

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

thải và khí thải ra môi trường và nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, chủ dự án sẽ thực hiện quan trắc định kỳ nước thải và khí thải 02 lần/năm. Cụ thể:

* Quan trắc định kỳ nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả thải sau HTXL.

- Thông số quan trắc: pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, dầu mỡ ĐTV, tổng Coliform.

- Tần suất: 02 lần/năm.

* Quan trắc định kỳ khí thải:

- Vị trí giám sát: Ống thoát khí thải của HTXL.

- Thông số quan trắc: CO, SO₂, NO₂, VOC (benzen), bụi tổng.

- Tần suất: 02 lần/năm.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo điều 97 và điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng cần thực hiện quan trắc tự động, liên tục. Do đó, chủ dự án không đề xuất quan trắc tự động, liên tục.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc định kỳ môi trường hàng năm là 30 triệu/năm.

Bảng 24: Tổng kinh phí dự kiến quan trắc định kỳ môi trường hàng năm

STT	Quan trắc	Số mẫu giám sát	Tần suất	Thành tiền (VNĐ)
1	Khí thải	1	2 lần/năm	12.000.000
2	Nước thải	1	2 lần/năm	8.000.000
3	Chi phí khác			10.000.000
Tổng				30.000.000

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương của Công ty TNHH MTV bao bì DHT bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 7/2021. Trong quá trình hoạt động từ khi bắt đầu đến nay cơ sở chưa có đơn vị thanh kiểm tra nào, tuy nhiên công ty luôn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chủ cơ sở cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Trong quá trình hoạt động cơ sở, Chủ cơ sở cam kết thực hiện nghiêm túc các vấn đề sau:

1. Thu gom xử lý toàn bộ khí thải ống khói sau xử lý của cơ sở qua hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đạt Cột B, QCVN 19: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2. Thu gom xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở qua hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

3. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình vận hành bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

5. Thực hiện các biện pháp phòng, ngừa, ứng phó sự cố môi trường đúng

Báo cáo đề xuất cấp GPMT: “Nhà máy SX kinh doanh bao bì PP container & thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”

theo nội dung đã đề ra và các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

7. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với GPMT đã được duyệt, Chủ dự án sẽ có văn bản báo cáo và chỉ thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

9. Công ty cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số: 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 2500418092-002

Đăng ký lần đầu, ngày 13 tháng 05 năm 2021

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH SỐ 2 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BAO BÌ DHT
Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: BRANCH NUMBER 2-DHT PACKAGING
COMPANY LIMITED

Tên chi nhánh viết tắt: BRANCH NUMBER 2-DHT PACKAGING CO.,LTD

2. Địa chỉ:

*Lô F2, Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên
Quang, Việt Nam*

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN HOÀNG ĐIỆP

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/03/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026086001350

Ngày cấp: 24/02/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về
dân cư

Địa chỉ thường trú: *Lô E1-8-4, KĐT Nam Vĩnh Yên, Phường Khai Quang, Thành phố
Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Lô E1-8-4, KĐT Nam Vĩnh Yên, Phường Khai Quang, Thành phố
Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BAO BÌ DHT

Mã số doanh nghiệp: 2500418092

Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 607, Đường Trường Chinh, Phường Đồng Xuân, Thành
phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam



Phạm Thị Kim Oanh

(Mẫu số 04: Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT
ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *122* /HĐTD

Tuyên Quang, ngày *19* tháng *7* năm 2021

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi và cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP Container và thiết bị ngành bao bì tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương;

Hôm nay, ngày *19* tháng *7* năm 2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Do ông: **Phạm Mạnh Duyệt**, chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

II. Bên thuê đất là Công ty TNHH một thành viên bao bì DHT

Do ông: **Nguyễn Xuân Huyền**, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên bao bì DHT làm đại diện.

Địa chỉ: Số 607, đường Trường Chinh, phường Đồng Xuân, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Số tài khoản: 3581100018008.

Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội, chi nhánh Vĩnh Phúc.

III. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Bên cho thuê đất cho bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: 22.000 m² (*Bằng chữ: Hai mươi hai nghìn mét vuông*)

Tại lô F2, cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Vị trí, ranh giới khu đất cho thuê được thể hiện trên tờ bản đồ tỷ lệ 1/1.000, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận. *ey*

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 11/9/2070.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá để tính tiền thuê đất được xác định theo Thông báo số 1160/TB-CT ngày 15/12/2020 của Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang về đơn giá thuê đất, cụ thể:

Đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời thuê là 51.429 đồng/m² (Bằng chữ: Năm mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng một mét vuông).

2. Phương thức nộp tiền thuê đất: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

3. Nơi nộp tiền thuê đất: Theo Thông báo của cơ quan Thuế.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho Bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê...thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.


3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải làm thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên (nếu có)

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể; 

4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế để xác định mức thu tiền thuê đất, kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Xuân Huyền

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Mạnh Duyệt

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường về kế hoạch bảo vệ môi trường được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 29/9/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang, chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container

và thiết bị ngành bao bì tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã họp ngày 04/6/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo kết quả thẩm định tại Tờ trình số 216/TTr-HĐTĐ-ĐTM ngày 30 tháng 6 năm 2020;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã được chỉnh sửa, bổ sung, gửi kèm văn bản số 02/CV-DHT ngày 12/6/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bao bì DHT;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (sau đây được gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bao bì DHT với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật (phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phúc Ứng tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã).


2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bao bì DHT; thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Công ty TNHH Một thành viên bao bì DHT; (Chủ dự án)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên HĐ TĐ Báo cáo ĐGTĐMT dự án;
- Chuyên viên: KS, CN;
- Lưu VT, (Đ 30).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ
MÁY SẢN XUẤT KINH DOANH BAO BÌ PP CONTAINER VÀ THIẾT BỊ
NGÀNH BAO BÌ TẠI CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ỨNG,
HUYỆN SON DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH Một thành viên bao bì DHT

- Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Huyền Chức vụ: Giám đốc.

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Địa chỉ liên hệ: Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án

- Dự án nằm tại lô F2, Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và có các mặt tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: Giáp nhà máy bột nhựa.

+ Phía Nam: Giáp lô F3 thuộc tờ bản đồ quy hoạch Cụm công nghiệp.

+ Phía Đông: Giáp núi đá.

+ Phía Tây: Giáp đường nội bộ trong Cụm Công nghiệp.

- Khu đất thực hiện dự án có tổng diện tích quy hoạch: 2,2 ha.

- Dự án nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì có công suất 700.000 sản phẩm bao bì/năm.

- Tổng mức mức đầu tư: 45 tỷ đồng.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án

a) Nhà điều hành và giới thiệu sản phẩm: Nhà có diện tích 190 m² kết cấu tường gạch chịu lực #75 dày vữa xi măng #50, sàn đổ bê tông #200, mái lợp tôn dày 0,35 mm.

b) *Nhà xưởng máy kéo sợi dệt*: Nhà có diện tích 2.600 m² được thiết kế nhà khung thép lợp tôn liên doanh dày 0,35mm, sàn đổ bê tông #200.

c) *Nhà kho xưởng máy kéo sợi dệt*: Kho có diện tích 546 m² được thiết kế nhà khung thép lợp tôn liên doanh dày 0,35mm, sàn đổ bê tông #200.

d) *Nhà xưởng may*: Nhà có diện tích 1764 m² được thiết kế nhà khung thép lợp tôn liên doanh dày 0,35mm, sàn đổ bê tông #200

e) *Kho xưởng may*: Kho có diện tích 392 m² được thiết kế nhà khung thép lợp tôn liên doanh dày 0,35mm, sàn đổ bê tông #200.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Dự án Nhà máy sản xuất kính doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang với công nghệ tiên tiến và máy móc hiện đại xuất xứ Hàn Quốc, Nhật Bản. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, các tác động môi trường chính của dự án gồm:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động đào đắp, san gạt, bốc dỡ, lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng và từ hoạt động của máy móc thi công.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng.

- Tác động do nước thải phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng.

- Tác động do nước mưa chảy tràn.

- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải xây dựng trên công trường.

- Tác động do chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Tác động do bụi và khí thải phát sinh trong quá trình bốc xúc, tập kết, vận chuyển nguyên vật liệu và từ các khâu sản xuất.

- Tác động do nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các thiết bị, máy móc.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án.

- Tác động do nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn.

- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn sản xuất.

- Tác động do chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng

* *Nước thải sinh hoạt*

- Khối lượng phát thải: Khoảng 2,5 m³/ngày.

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh, nếu không được thu gom, xử lý và xả trực tiếp vào môi trường và nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực tiếp nhận.

* *Nước thải thi công*: Khối lượng phát thải khoảng 2,0 m³/ngày.

* *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn trong quá trình triển khai dự án.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

* *Nước thải sinh hoạt*

- Khối lượng nước thải: Khoảng 20 m³/ngày.đêm.

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh, nếu không được thu gom, xử lý phù hợp mà xả trực tiếp vào môi trường và nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực tiếp nhận.

* *Nước thải sản xuất*: Khối lượng phát thải khoảng 5,0 m³/ngày từ hoạt động vệ sinh thiết bị, máy móc của công đoạn tráng phủ.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển tại công trường.

- Phạm vi tác động: Tại khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình bốc xúc, vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất và tại các khâu sản xuất

- Phạm vi tác động: Trong khuôn viên dự án và khu vực lân cận.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát thải khoảng 7,5 kg/ngày.
- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát thải khoảng 135 kg/tháng.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát thải khoảng 60 kg/ngày
- Chất thải rắn sản xuất: Khối lượng phát thải khoảng 63,3 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Khối lượng CTNH: Khoảng 15 kg/tháng.
- Thành phần: Chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, mực in, bóng đèn cháy hỏng phát sinh từ quá trình lau chùi, sửa chữa máy móc, trang thiết bị.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Các công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Sử dụng 01 nhà vệ sinh di động với bể lắng tạm thời có dung tích 2m³.
- Đối với nước thải thi công: Xây dựng hố lắng trước khi thoát nước vào nguồn tiếp nhận.
- Đối với nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống cống thoát nước thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt khu đất dự án và đấu nối với hệ thống thu gom, thoát nước mặt của cụm công nghiệp.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải và tiếng ồn

- Phun nước tưới ẩm giảm thiểu bụi khu vực thi công. Tần suất tưới thực hiện 02 lần/ngày.
- Thực hiện dựng rào chắn tạm thời bằng tôn, vải bạt ở các khu vực phát tán nhiều bụi nhằm hạn chế bụi phát tán từ công trường.
- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn. Không thi công từ 11h30' – 13h30' và buổi tối.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Lắp đặt trên khu vực công trường 02 thùng chứa rác dung tích 120 lít. Thuê đơn vị có chức năng định kỳ 01 ngày/lần vận chuyển đi xử lý theo quy định.
- Đối với chất thải rắn xây dựng: Thu gom bán phế liệu, tận dụng san lấp mặt bằng trong khuôn viên dự án.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Trang bị 01 thùng chứa dung tích 120 lít tại khu vực bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.

- Lắp đặt 01 kho chứa CTNH tạm thời, có mái che để lưu giữ tạm thời CTNH. Sau khi kết thúc hoạt động thi công, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định.

e) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn về điện, cháy, nổ, an toàn lao động, sự cố an toàn giao thông.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với thời tiết bất thường như lũ ống, lũ quét.

3.2. Công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn vận hành, hoạt động

a) Công trình thu gom, xử lý nước thải

** Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:*

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải và được đấu nối với hệ thống thu gom, thoát nước mặt của cụm công nghiệp.

- Xây dựng tuyến rãnh thoát nước có kích thước $B=0,4-0,5$; $H = 0,6-0,7m$ xây dựng dọc theo tuyến đường.

** Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải bếp ăn: Xây dựng 01 bể tách dầu mỡ có dung tích $5m^3$ gồm 02 ngăn (ngăn tách mỡ và ngăn lắng) để xử lý sơ bộ nước thải, sau đó được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp.

- Đối với nước thải khu vệ sinh: Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn dung tích $40m^3$ tại mỗi khu vệ sinh để xử lý sơ bộ nước thải, sau đó được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp.

** Công trình xử lý nước thải sản xuất:*

Xây dựng tháp hạ nhiệt để sử dụng tái tuần hoàn và có nước thải sản xuất xả thải ra môi trường.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

- Áp dụng biện pháp thông gió tự nhiên tại các nhà xưởng sản xuất. Ngoài ra bố trí quạt công nghiệp tại các vị trí làm việc của công nhân gần máy móc phát sinh nhiều nhiệt.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

c) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

** Đối với chất thải sinh hoạt*

- Bố trí, lắp đặt các thùng chứa rác đặt tại khu vực phát sinh chất thải.
- Thành lập tổ vệ sinh môi trường để hàng ngày thu gom chất thải rắn sinh hoạt.
- Thuê đơn vị có chức năng, định kỳ 01 lần/ngày thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

* Đối với chất thải rắn sản xuất: Thu gom, tái sử dụng để sản xuất.

d) Công trình thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại được dán nhãn và biển cảnh báo chất thải nguy hại theo từng loại chất thải riêng.
- Xây dựng kho chứa CTNH đảm bảo theo quy định.
- Thuê đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định về quản lý CTNH.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Công trình thu gom, xử lý nước thải
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn 1

5.1.1. Giai đoạn thi công

a) Giám sát môi trường không khí

+ Vị trí giám sát 03 vị trí: 01 mẫu tại khu vực thi công xây dựng; 01 mẫu tại đường vận chuyển trong dự án; 01 mẫu tại lối vào khu vực dự án.

+ Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

+ Tần suất: 01 lần/3 tháng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị bụi giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26/2016/BYT – Quy Chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b) Giám sát môi trường nước mặt

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí giáp khu vực dự án.

+ Thông số phân tích: pH ,DO, COD, BOD₅, TSS, NO₃⁻, Coliform, Hg, Fe, As, dầu mỡ.

+ Tần suất: 01 lần/3 tháng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.2. Giai đoạn vận hành hoạt động

a) Giám sát môi trường không khí

+ Vị trí giám sát: 03 vị trí tại các khu vực trong khuôn viên nhà máy. Bao gồm: Nhà điều hành; xưởng sợi, dệt; xưởng may gia công.

+ Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂, VOC.

+ Tần suất: 01 lần/3 tháng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị bụi giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26/2016/BYT – Quy Chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

Giám sát khí thải đầu ra hệ thống xử lý hơi nhựa: 01 mẫu.

+ Thông số: Bụi, CO, NO₂, SO₂, VOC.

+ Tần suất: 01 lần/3 tháng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

b) Giám sát nước thải: 01 vị trí tại điểm xả thải sau xử lý.

+ Thông số phân tích: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, dầu mỡ, tổng Coliform.

+ Tần suất: 01 lần/3 tháng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

c) Giám sát khác

- Giám sát an toàn PCCC: Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Giám sát công tác quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại. Định kỳ 06 tháng/lần và gửi báo cáo về về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

5.2. Giai đoạn 2

a) Giám sát môi trường không khí

+ Vị trí giám sát: 04 vị trí tại các khu vực trong khuôn viên nhà máy, bao gồm: nhà điều hành, xưởng sợi; xưởng may gia công; xưởng mở rộng.

+ Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂, VOC.

+ Tần suất: 01 lần/3 tháng.

+ Quy chuẩn chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị bụi giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc QCVN 24/2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26/2016/BYT – Quy Chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ Giám sát khí thải đầu ra hệ thống xử lý mùi, hơi nhựa: 01 mẫu.

+ Thông số: Bụi, CO, NO₂, SO₂, VOC.

+ Tần suất: 01 lần/3 tháng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

b) Giám sát nước thải: 01 vị trí tại điểm xả thải sau xử lý.

+ Thông số phân tích: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, dầu mỡ, tổng Coliform.

+ Tần suất: 01 lần/3 tháng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

c) Giám sát chất thải rắn

- Giám sát an toàn PCCC: Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Giám sát công tác quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại. Định kỳ 06 tháng/lần và gửi báo cáo về về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

6. Các điều kiện kèm theo

6.1. Tuân thủ đúng quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và giải pháp xử lý chất thải rắn, tiếng ồn, khói bụi, nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam hiện hành. Trong giai đoạn vận hành Dự án phải thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án và xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp và toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất và sinh hoạt phải được thu gom, xử lý triệt để.

6.2. Trước khi dự án đi vào vận hành hoạt động, chủ dự án phải thiết kế, xây lắp các công trình bảo vệ môi trường; lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm để được kiểm tra, giám sát theo quy định. Lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án theo quy định.

6.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý và giám sát môi trường; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khi dự án đi vào vận hành hoạt động.

6.6. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ RÁC THẢI

Các căn cứ thực hiện hợp đồng:

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp và Luật dân sự (sửa đổi) Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ vào Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2022, chúng tôi gồm:

I. CÔNG TY TNHH MTV BAO BÌ DHT (Gọi tắt là bên A)

Địa chỉ : Thôn An Đồng, xã Ngọc Thanh, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại : 02113.512.663

Mã số thuế : 2500418092

Đại diện : Ông : NGUYỄN XUÂN HUYỀN Chức vụ: Giám đốc

II. CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG BÌNH XUYỀN(Gọi tắt là bên B).

Địa chỉ : Khu phố I - Thị trấn Hương Canh - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc

Điện thoại : 0912.106.676

Mã số thuế : 2500 243 251

Tài khoản : 425 100 000 20077

Tại Ngân hàng BIDV Vĩnh Phúc.

Đại diện: Ông NGUYỄN ĐÌNH TOÀN Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên thống nhất ký hợp đồng kinh tế với các nội dung sau:

ĐIỀU I: CHUNG LOẠI, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ.

Bên A đồng ý thuê bên B xử lý rác thải sinh hoạt, đưa về nơi xử lý theo quy định của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc.

Đơn giá tính theo tháng: 1.200.000đ/tháng. (Chưa bao gồm VAT)

Phí xử lý Bên A phải trả cho Bên B sẽ được bên B xuất hoá đơn theo đúng quy định của ngành thuế ban hành.

Bên A đưa rác thải sinh hoạt của công ty vào vị trí chứa rác của công ty

Bên B có trách nhiệm xử lý rác thải cho Bên A vào các ngày thứ sáu hoặc thứ bảy trong tuần.

ĐIỀU II: HÌNH THỨC THANH TOÁN.

Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

ĐIỀU III: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

Bên B phải chịu trách nhiệm về việc xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy trình, quy định của nhà nước. Có đầy đủ giấy tờ pháp lý và đủ điều kiện để thực hiện việc xử lý rác thải sinh hoạt.

Trong trường hợp bên B không đủ điều kiện để xử lý rác thải đúng theo quy định bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Rác ra khỏi nhà máy của bên A thì bên A hoàn toàn không phải chịu trách nhiệm về việc xử lý rác thải trên.

Trong trường hợp bên A phát hiện bên B không đủ năng lực, điều kiện và giấy tờ hợp pháp được quyền xử lý rác thải sinh hoạt. Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức mà không phải thông báo trước cho bên B và không phải bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Phụ lục hợp đồng bổ sung được coi như nội dung cấu thành không thể tách rời hợp đồng này. Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản trên, nếu có gì vướng mắc phát sinh, các bên phải thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng và được lập bằng văn bản. Trong trường hợp không giải quyết được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Toà án kinh tế Vĩnh Phúc, phán quyết của Toà án là kết luận cuối cùng. Chi phí xét xử sẽ do bên thua chịu.

Hợp đồng có thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Hợp đồng được tự động gia hạn cho các năm tiếp theo một trong hai bên không có vấn đề gì phát sinh.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



NGUYỄN VĂN HỮU



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tuấn

HỢP ĐỒNG
CHUYỂN GIAO TRÁCH NHIỆM VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI
Số: 065.2022/HĐXL-MTX

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017;
 - Căn cứ Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014
 - Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;
 - Căn cứ vào nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
 - Căn cứ vào thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
 - Căn cứ vào nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
 - Căn cứ giấy phép hành nghề Xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009VX của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh lần thứ 2 ngày 10/9/2021.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên.
Hôm nay, ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại Văn phòng, Chúng tôi gồm có.

1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BAO BÌ DHT (BÊN A)

Đại diện : Ông Nguyễn Xuân Huyền Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Số nhà 607, Đường Trường Chinh, Phường Đồng Xuân, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 02113.624.666 Fax:
Mã số thuế : 2500418092

2. CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH (BÊN B)

Đại diện : Ông Đỗ Viết Bình Chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ : Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.
Điện thoại : 0211 3869 994 Fax: 0211 3875 874
Mã số thuế : 0102169887
Số tài khoản : 114 000026975 Tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long.

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng lưu giữ và xử lý chất thải như sau:

Điều 1: Bên A và bên B thực hiện các công việc sau:

Bên B: Tiếp nhận, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại của Bên A, theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường.

Điều 2: Danh mục chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận:

2.1 Danh mục chất thải:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Nguồn gốc xuất xứ	Phương pháp xử lý	Ghi chú
1	Bùn mực in thải	08 02 02	Phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty	Xử lý theo quy định của giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009VX Cấp ngày 10/9/2021	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06			
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02			
4	Giẻ lau, găng tay dính dầu thải	18 02 01			

- Đơn giá được thể hiện trên phụ lục hợp đồng đính kèm. Đơn giá sẽ được thay đổi theo sự biến động giá cả trên thị trường thông qua sự đàm phán nhất trí của hai bên bằng văn bản.

2.2. Địa điểm giao nhận chất thải:

Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ chất thải của Bên A.

+ Kho chứa chất thải nguy hại tại: Số nhà 607, Đường Trường Chinh, Phường Đồng Xuân, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Kho chứa chất thải nguy hại tại: Cụm kinh tế Hợp Thịnh, Tam Dương, Vĩnh Phúc.

+ Lô F2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

Bên A thông báo lịch giao chất thải cho Bên B trước 2 ngày để thu xếp phương tiện.

2.3. Địa điểm xử lý chất thải: Tại khu xử lý chất thải của Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh. (Địa chỉ: Thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.)

Điều 3: Phương thức thanh toán:

3.1. Sau mỗi đợt giao nhận hàng, hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, lập bảng tổng hợp khối lượng cho từng đợt làm cơ sở quyết toán.

3.2. Phương thức thanh toán: Các bên thanh toán cho nhau sau khi Bên B hoàn thành mọi công việc và xử lý khối lượng chất thải phát sinh xuất hóa đơn, gửi trả chứng từ cho Bên A theo quy định.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

4.1 Trách nhiệm và quyền hạn của bên A.

- Chịu trách nhiệm sắp xếp kho lưu giữ, đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau, ghi rõ tên, loại chất thải trên bao bì thu chứa. Trong trường hợp có sự thay đổi thành phần về chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

- Chất thải công nghiệp và nguy hại phải được kiểm soát theo Luật bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14 và thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cung cấp chủ nguồn thải cho Bên B.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình xử lý chất thải của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

- Bàn giao Chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B khi Bên B nhận chuyển giao chất thải từ Bên A.

- Trong thời gian ký hợp đồng với bên B, bên A không được ký hợp đồng xử lý chất thải theo hạng mục như trên hợp đồng với bất cứ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp bên B không thực hiện hoặc không thực hiện đúng bất kỳ nội dung nào theo hợp đồng này.

4.2. Trách nhiệm quyền hạn của Bên B.

- Chịu trách nhiệm xử lý chất thải theo đúng các quy định của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Đảm bảo 100% số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển từ Bên A về Bên B không phát tán và xử lý an toàn.

- Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở nghiệm thu thanh toán.

- Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

- Hoàn thiện Chứng từ chất thải nguy hại sau khi xử lý xong và trả lại cho Bên A kèm theo biên bản hoàn thành xử lý trong thời hạn không quá 1 tháng kể từ ngày nhận chất thải.

- Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương án xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.

Điều 5: Các điều khoản chung:

5.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết trên tinh thần thương lượng và hợp tác, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

5.2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.

5.3. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng phải được lập thành văn bản kèm theo hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của cả hai bên.

5.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu không được các bên thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 6: Hiệu lực của hợp đồng:

6.1. Hợp đồng này có hiệu lực một năm kể từ ngày ký.

6.2. Sau khi kết thúc giá trị hợp đồng mà hai bên không có thông báo thay đổi nội dung hoặc chấm dứt hợp đồng thì Hợp đồng sẽ mặc nhiên được gia hạn thêm một năm nữa.

6.3. Hợp đồng được lập thành 4(bốn) bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 2 (hai) bản cùng có giá trị như nhau về mặt pháp lý và là cơ sở để hai bên nghiệm thu thanh toán Hợp đồng.

6.4. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.

ĐẠI DIỆN BÊN A


NGUYỄN KHÁNH HUYỀN

ĐẠI DIỆN BÊN B


GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Cường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ

GÓI THẦU: THIẾT KẾ, XÂY DỰNG, CUNG CẤP VẬT TƯ THIẾT BỊ LẮP ĐẶT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 25M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: LÔ F2, KHU CÔNG NGHIỆP PHÚC ỨNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV BAO BÌ DHT

NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH TKN HÀ NỘI

HÀ NỘI, NĂM 2022

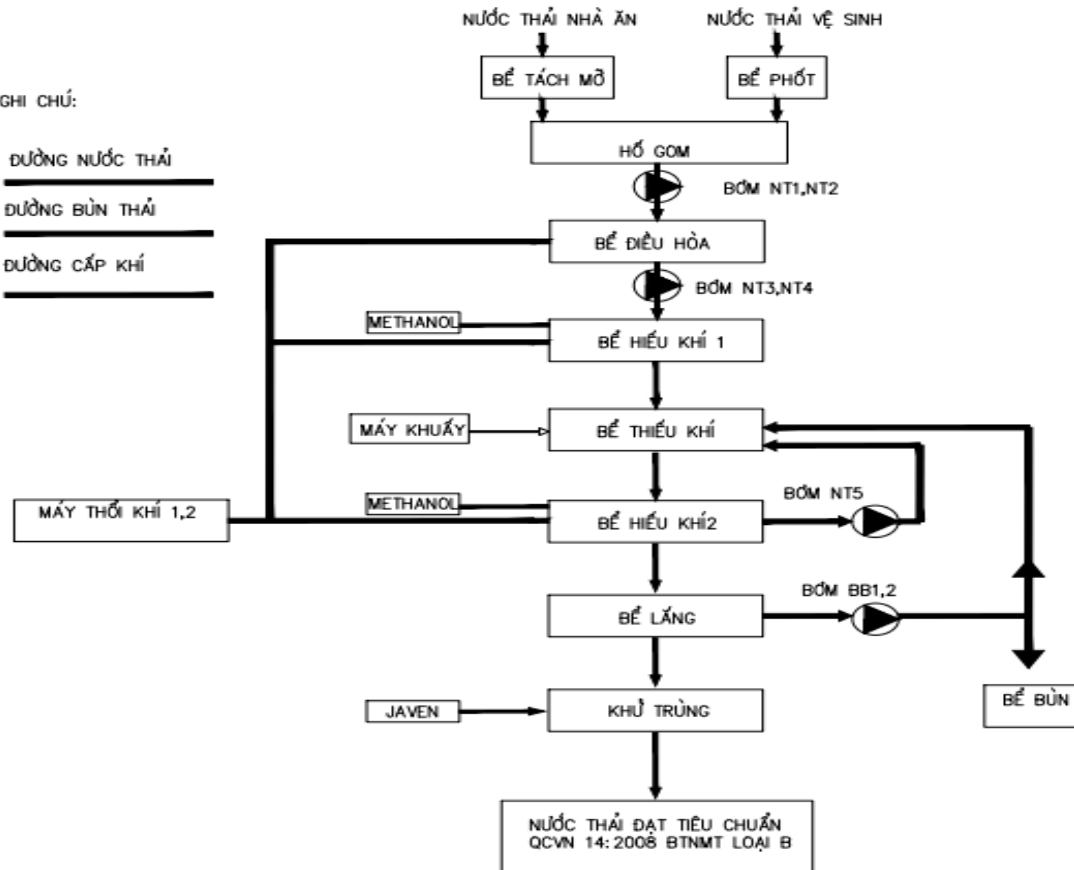
SƠ ĐỒ HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 25 M³/ NGÀY ĐÊM

GHI CHÚ:

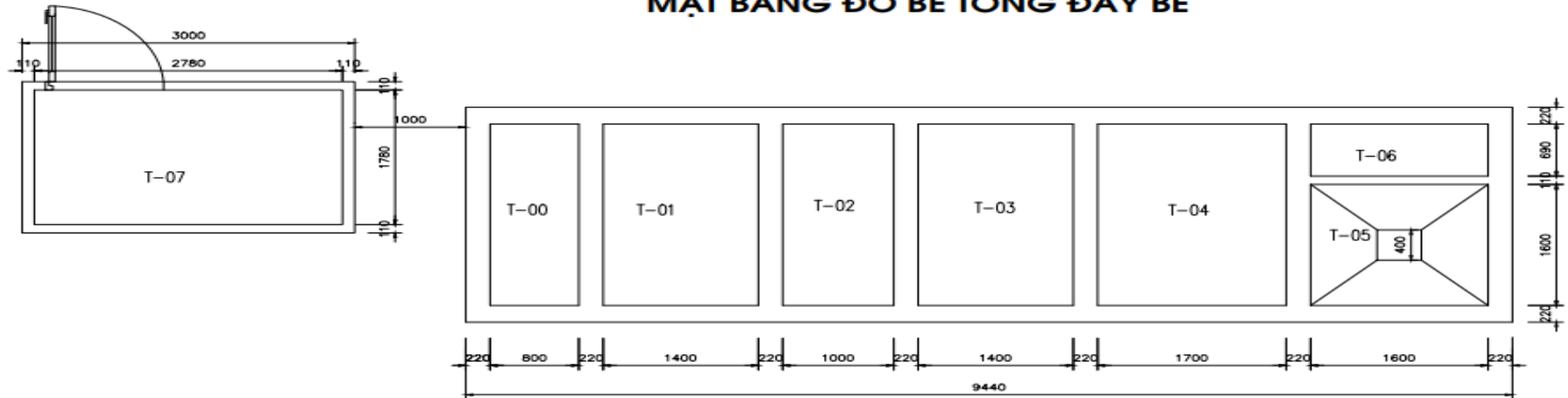
 ĐƯỜNG NƯỚC THẢI

 ĐƯỜNG BÙN THẢI

 ĐƯỜNG CẤP KHÍ



MẶT BẰNG ĐỒ BÊ TÔNG ĐÁY BỂ



GHI CHÚ:

T-00 BỂ GOM

T-02 BỂ HIẾU KHÍ 1

T-04 BỂ HIẾU KHÍ 2

T-06 BỂ KHỬ TRÙNG

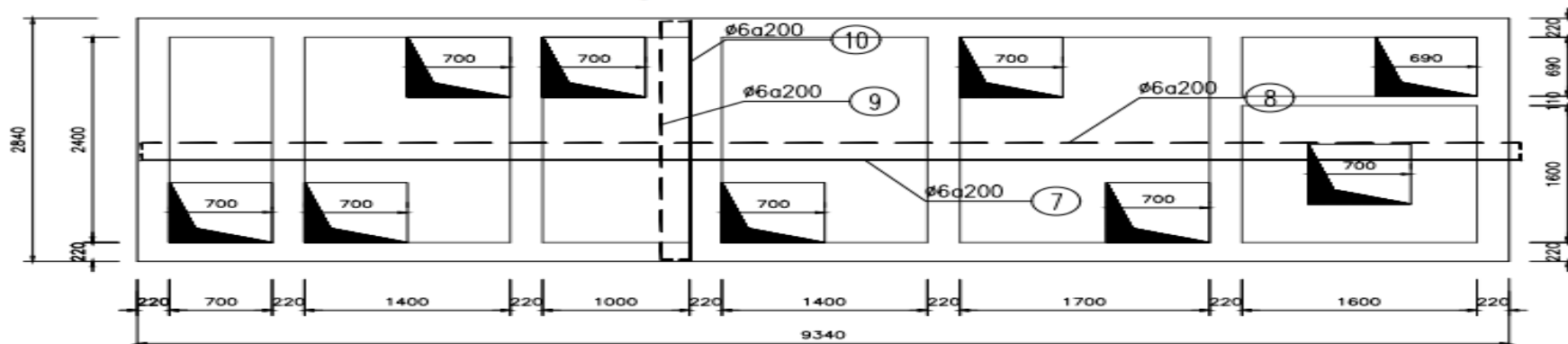
T-01 BỂ ĐIỀU HÒA

T-03 BỂ THIẾU KHÍ

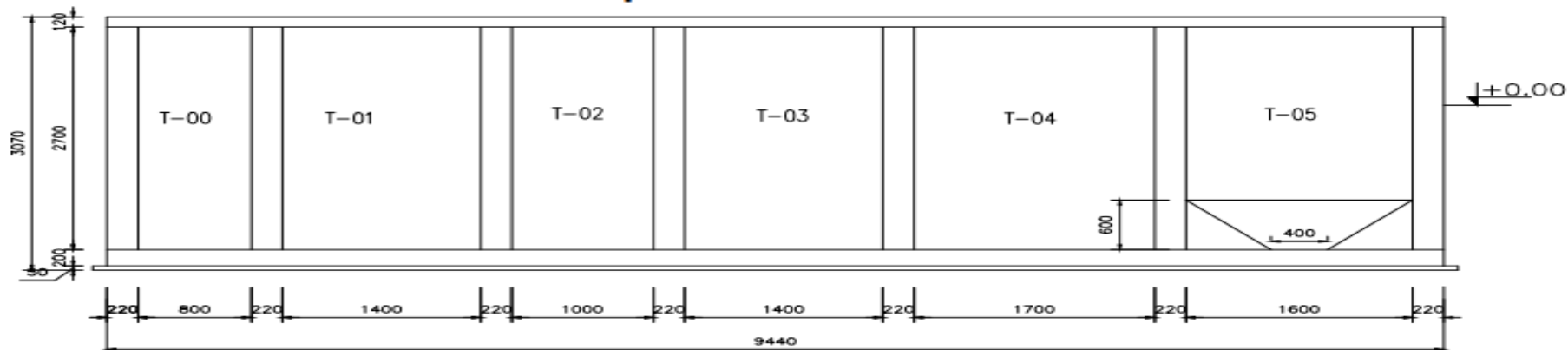
T-05 BỂ LẮNG

T-07 NHÀ ĐIỀU HÀNH

MẶT BẰNG NẮP BỂ



MẶT CẮT 1-1



GHI CHÚ:

T-00 BỂ GOM

T-02 BỂ HIẾU KHÍ 1

T-04 BỂ HIẾU KHÍ 2

T-06 BỂ KHỬ TRÙNG

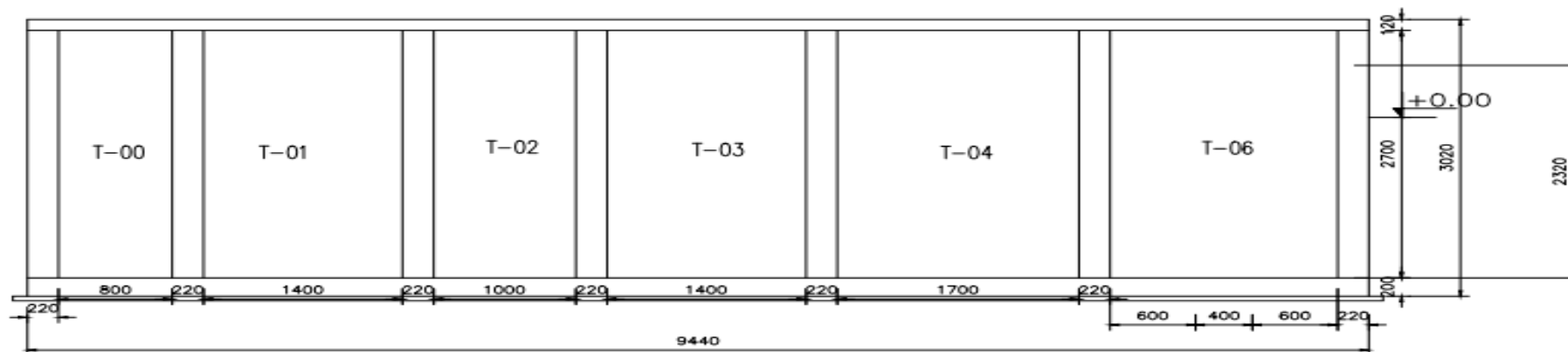
T-01 BỂ ĐIỀU HÒA

T-03 BỂ THIẾU KHÍ

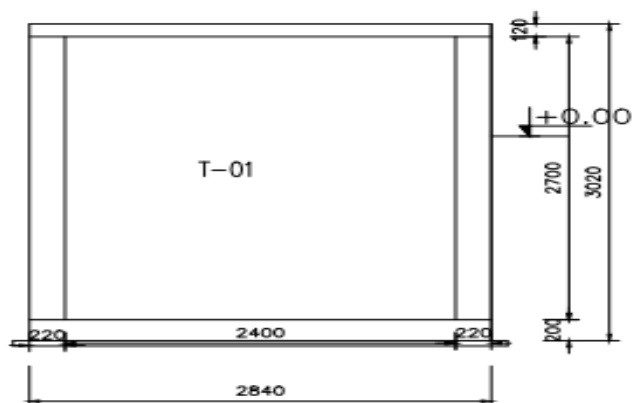
T-05 BỂ LẮNG

T-07 NHÀ ĐIỀU HÀNH

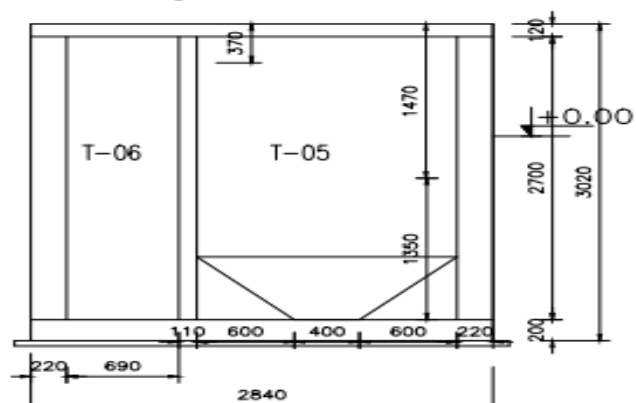
MẶT CẮT 2-2



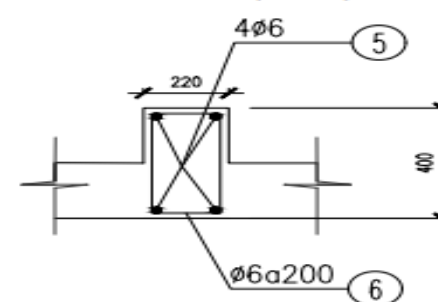
MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



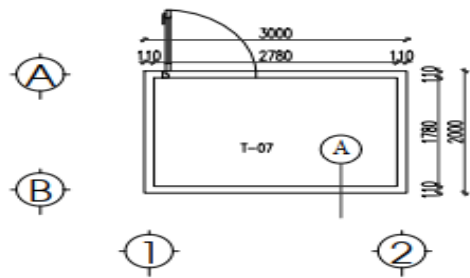
GIƯỜNG GT1 (SL: 01)



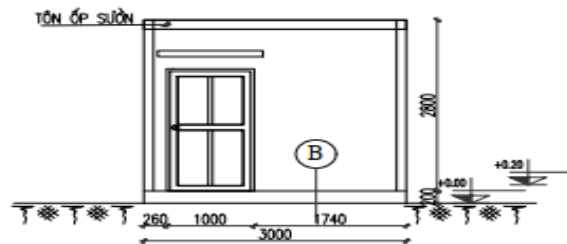
TRONG BỂ ĐÁNH BÓNG BẰNG HỒ DẦU CHỐNG THẮM

NHÀ ĐẶT THIẾT BỊ

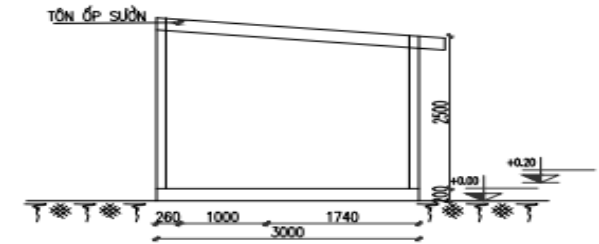
MẶT BẰNG NHÀ ĐỂ THIẾT BỊ



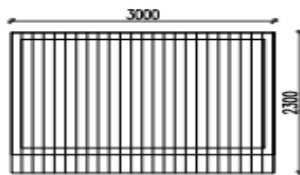
MẶT ĐŨNG TRỰC A-A



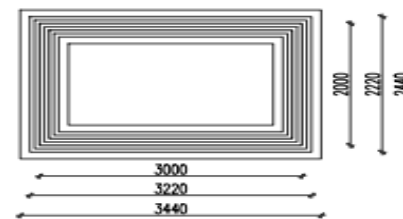
MẶT ĐŨNG TRỰC 1-1



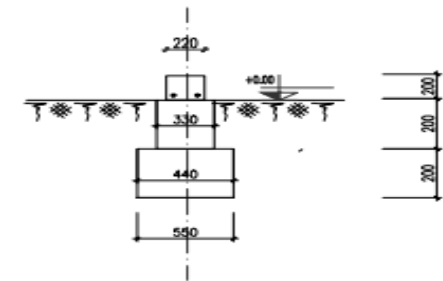
MẶT BẰNG MÁI NHÀ ĐẶT THIẾT BỊ



MẶT BẰNG MÓNG NHÀ ĐẶT THIẾT BỊ

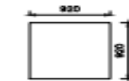


MẶT CẮT MÓNG NHÀ ĐỂ THIẾT BỊ



CHI TIẾT NẤP THĂM

NẤP CỬA THĂM BẰNG BÊ TÔNG



CỔ BỂ XÂY CAO 150MM

NẤP TẮM ĐƠN BẰNG BÊ TÔNG DÀY 5CM, KÍCH THƯỚC 920X920MM

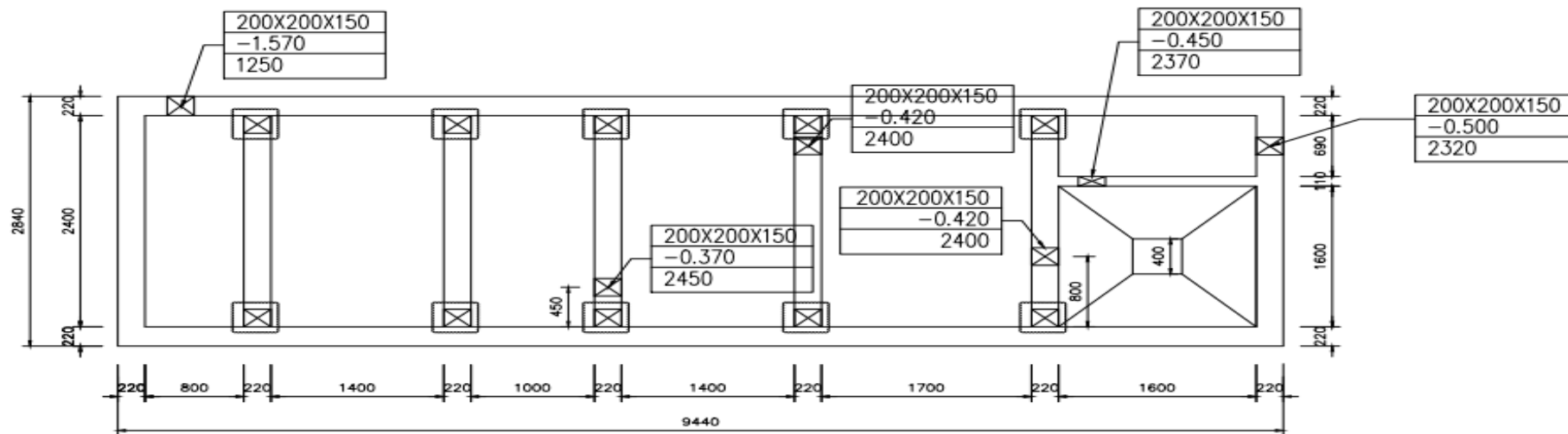
A

TRÁT TƯỜNG DÀY 15MM
XÂY TƯỜNG GẠCH CHỈ
TRÁT TƯỜNG TRONG DÀY 15MM

B

NỀN LĂNG VỮA XI MĂNG DÀY 100MM
NỀN ĐẤT ĐẪM CHẶT

MẶT BẰNG LỖ CHỜ



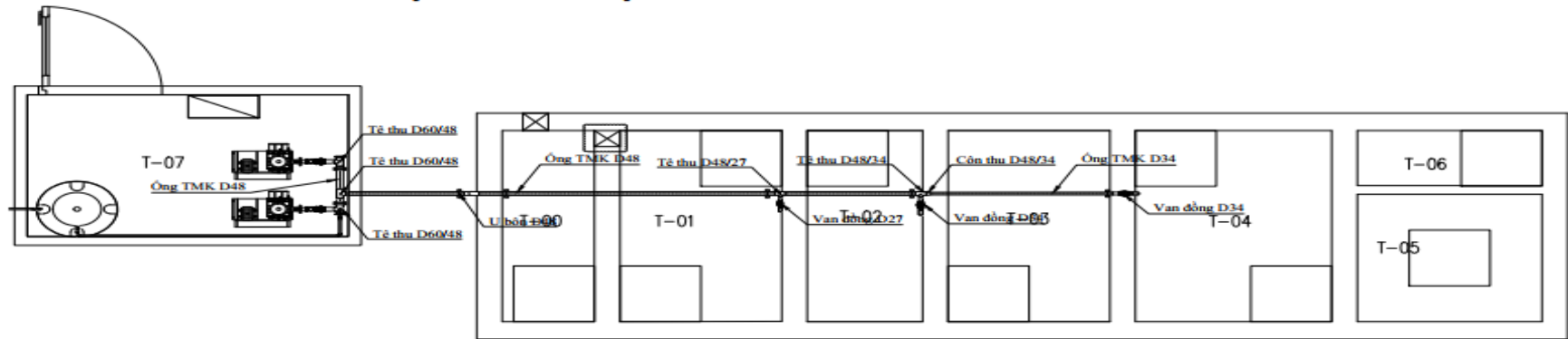
GHI CHÚ:

☒ LỖ THÔNG HƠI KÍCH THƯỚC DÀI X CAO 200X150 CHIỀU RỘNG THEO VÁCH BẾ
 CAO ĐỘ ĐÁY LỖ CHỜ SO VỚI MẶT BẾ -0.270
 CAO ĐỘ ĐÁY LỖ CHỜ SO VỚI ĐÁY BẾ 2550

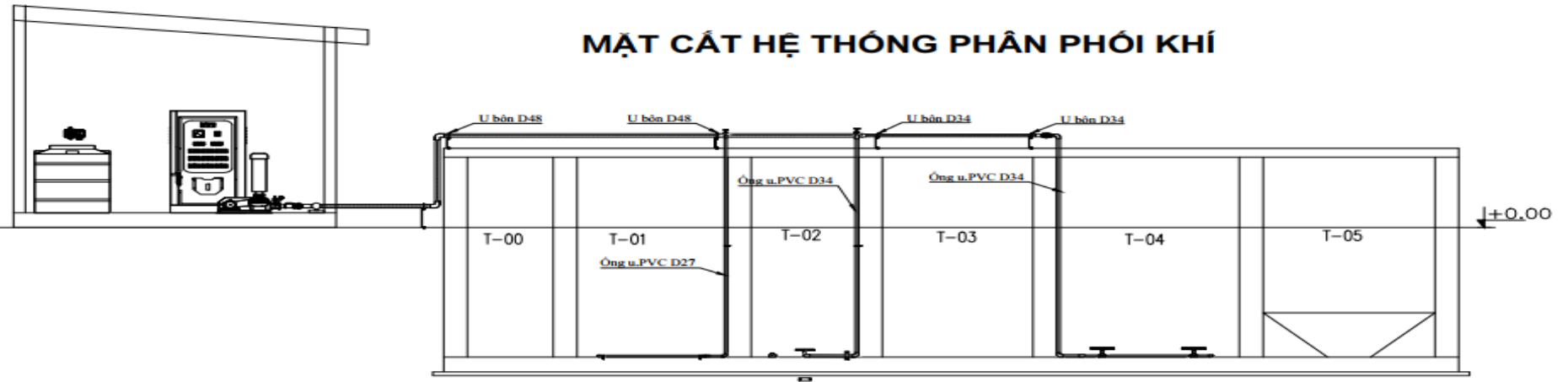
200X220X150
-0.550
3000

KÍCH THƯỚC LỖ CHỜ: DÀI X RỘNG X CAO
 CAO ĐỘ ĐÁY LỖ CHỜ SO VỚI MẶT BẾ
 CAO ĐỘ ĐÁY LỖ CHỜ SO VỚI ĐÁY BẾ

MẶT BẰNG HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TRÊN NĂM BỂ



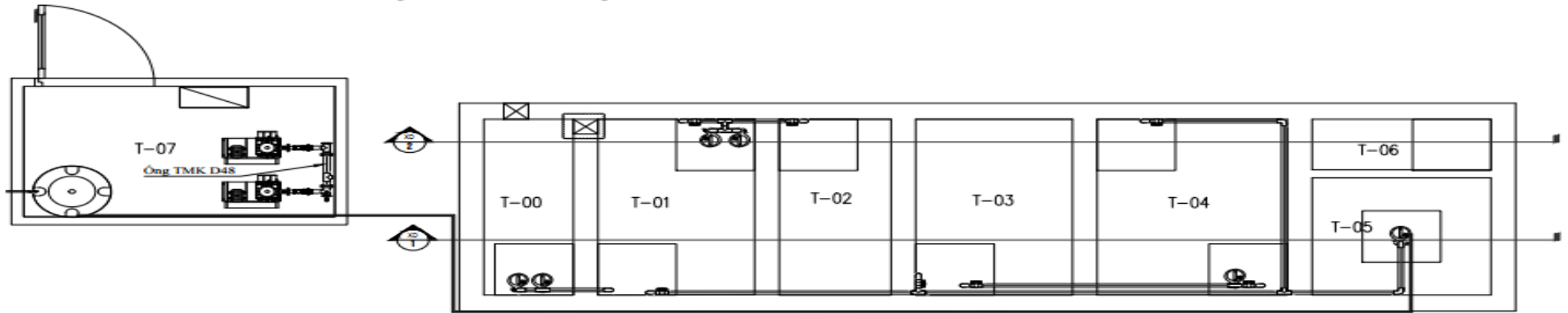
MẶT CẮT HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ



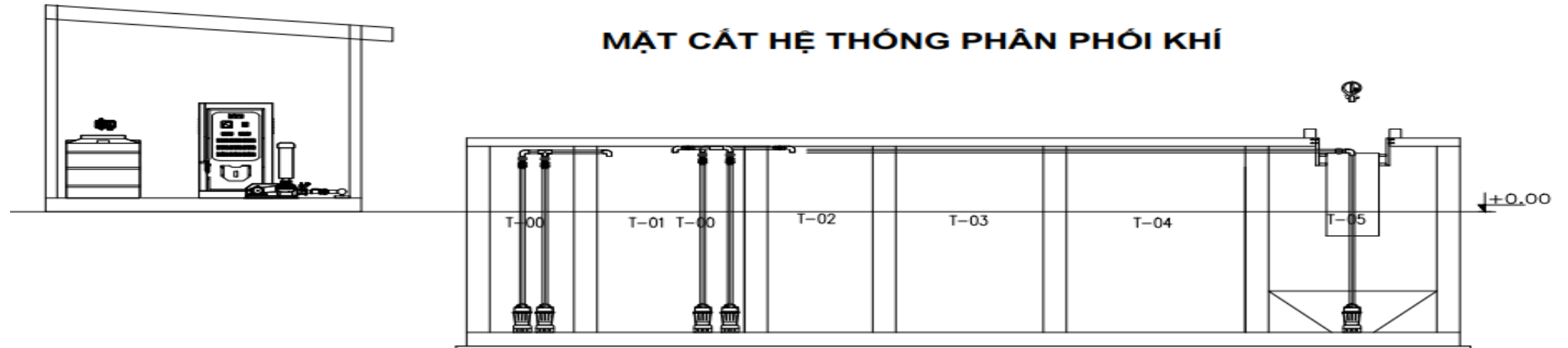
GHI CHÚ:

T-00	BỂ GOM	T-02	BỂ GIẢU KHÍ 1	T-04	BỂ GIẢU KHÍ 2	T-06	BỂ KHỬ TRÙNG
T-01	BỂ ĐIỀU HÒA	T-03	BỂ THỂU KHÍ	T-05	BỂ LẮNG	T-07	NHÀ ĐIỀU HÀNH

MẶT BẰNG HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ TRÊN NĂM BẾ



MẶT CẮT HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ



GHI CHÚ:

T-00 BỂ GOM

T-02 BỂ HIẾU KHÍ 1

T-04 BỂ HIẾU KHÍ 2

T-06 BỂ KHỬ TRÙNG

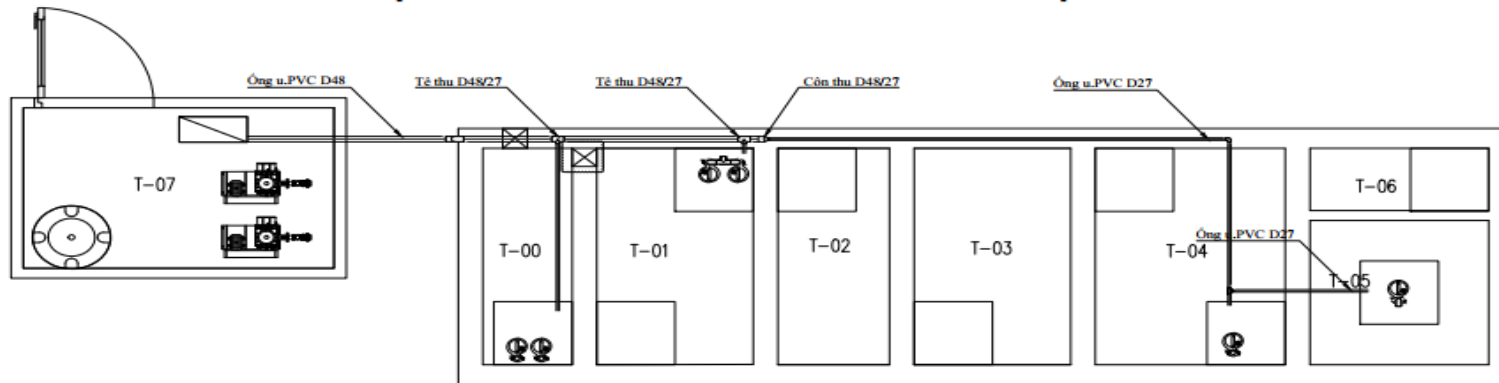
T-01 BỂ ĐIỀU HÒA

T-03 BỂ THIẾU KHÍ

T-05 BỂ LẮNG

T-07 NHÀ ĐIỀU HÀNH

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG LUÒN DÂY ĐIỆN





CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG HÓA ATL

ĐỊA CHỈ: SỐ 21, TTMM-TT LAM SƠN, XÃ TÂN MỸ, TP.BẮC GIANG, T. BẮC GIANG

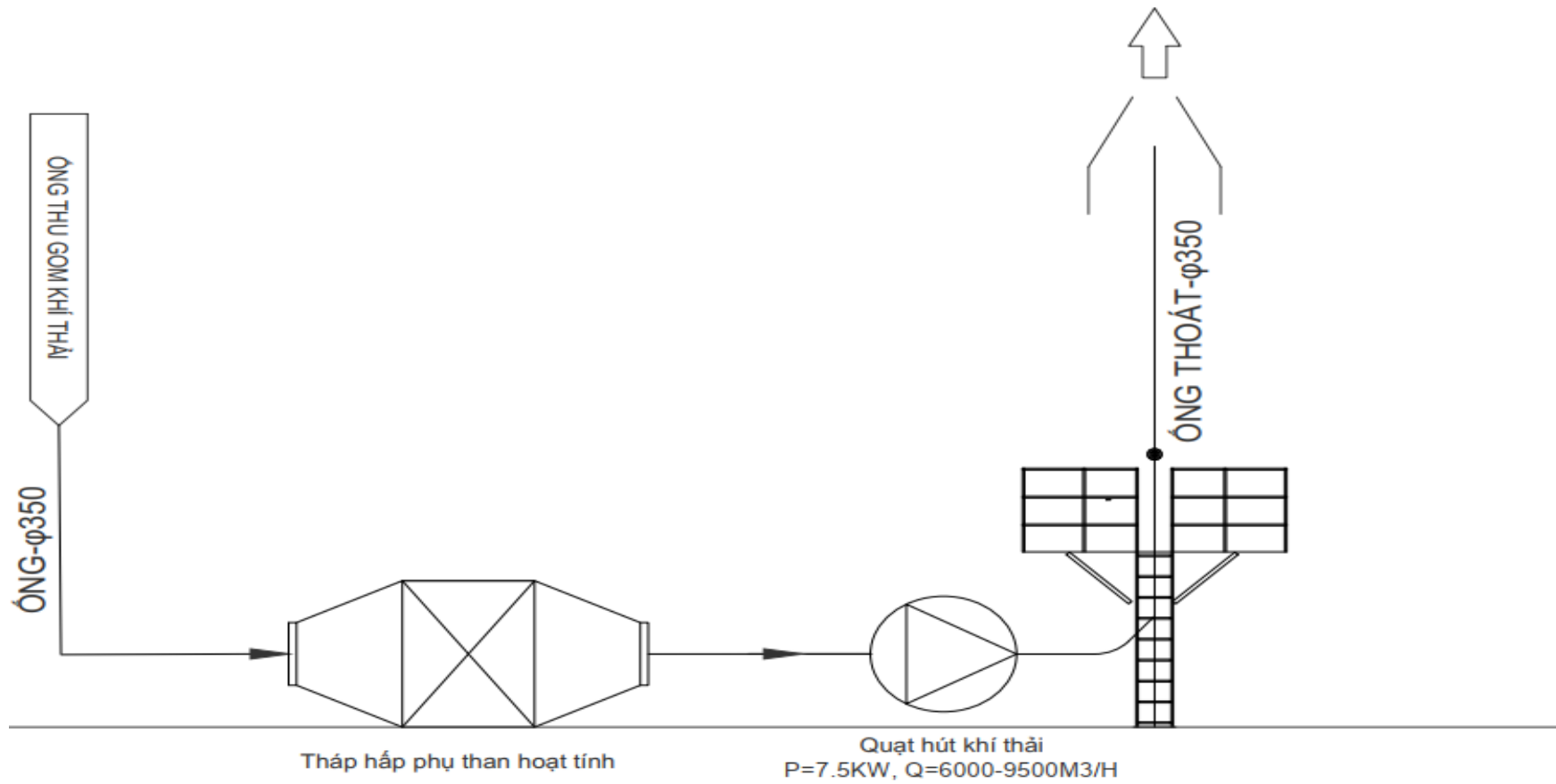
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

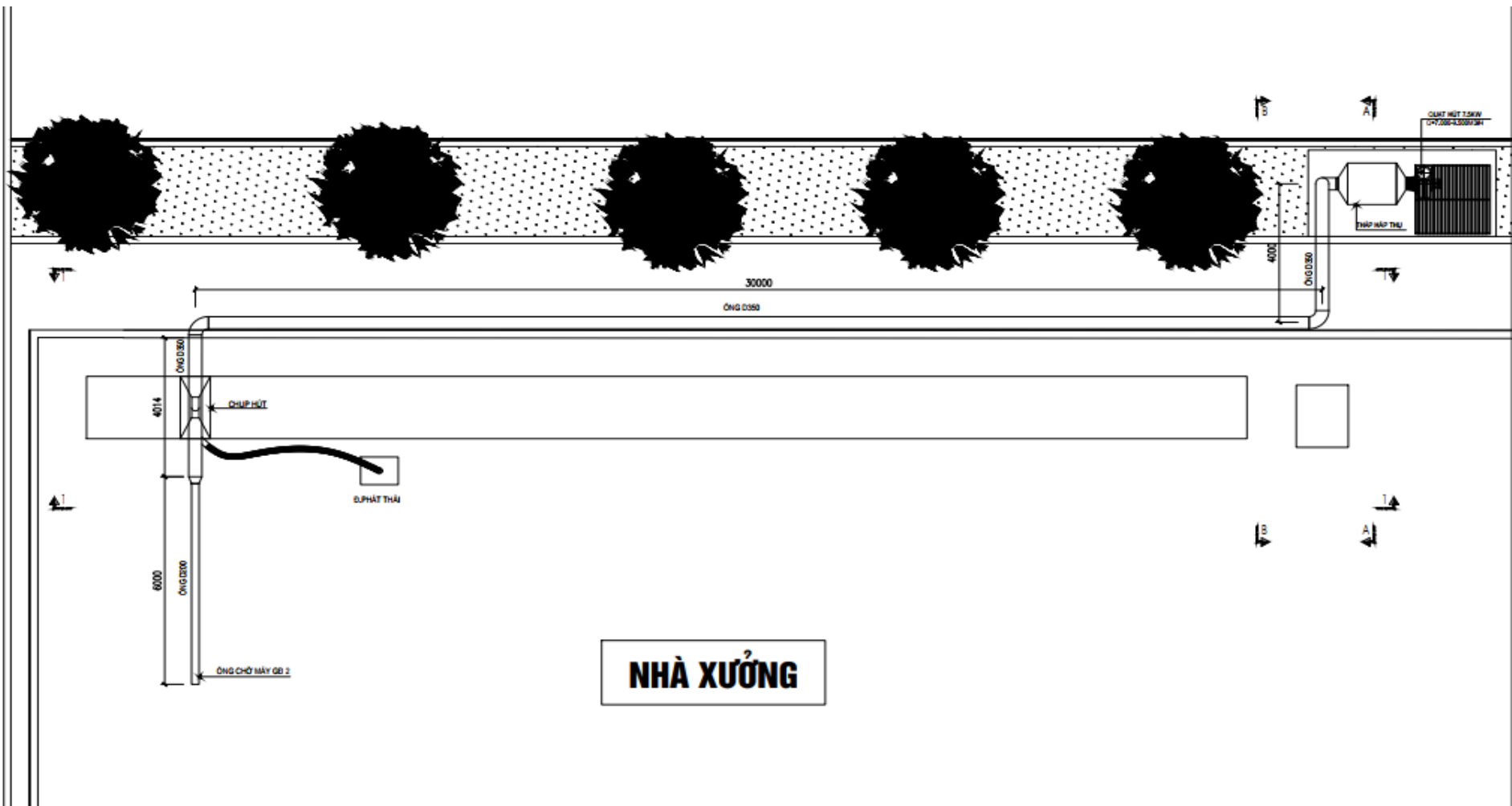
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

DỰ ÁN : XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH BAO BÌ DHT
ĐỊA ĐIỂM : LÔ F2, CCN SƠN DƯƠNG, H. SƠN DƯƠNG - T. TUYẾN QUANG
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH BAO BÌ DHT
ĐƠN VỊ THI CÔNG : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG HÓA ATL

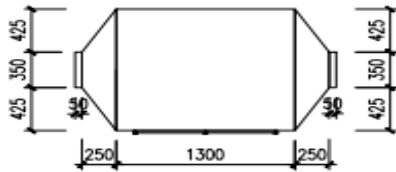
TUYẾN QUANG-07/2023

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

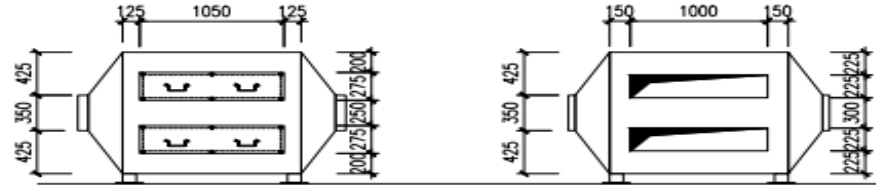




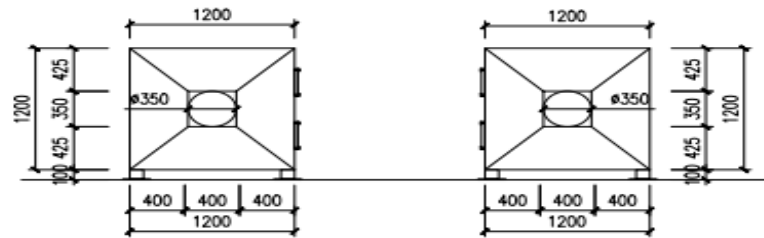
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



MẶT BẰNG THÁP XỬ LÝ



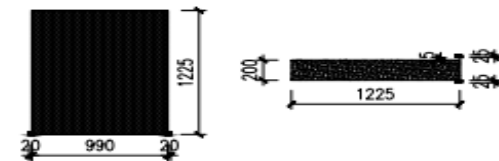
MẶT ĐỨNG THÁP XỬ LÝ



MẶT BÊN THÁP XỬ LÝ

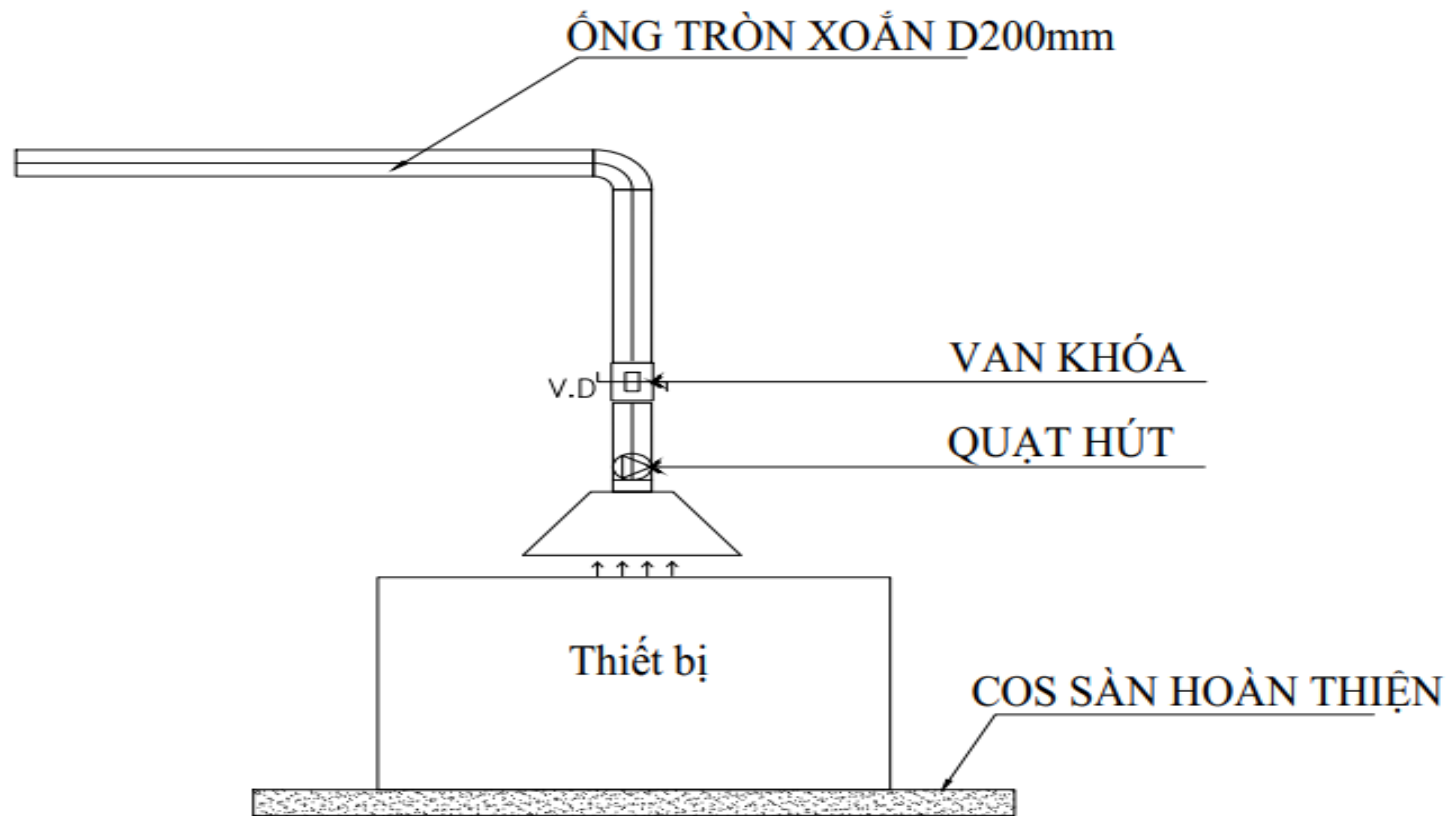


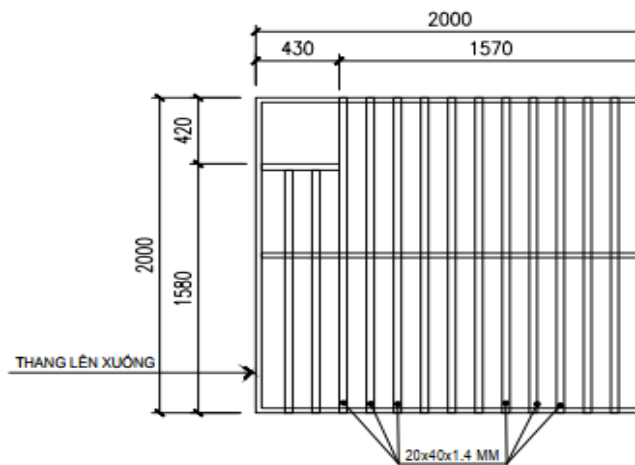
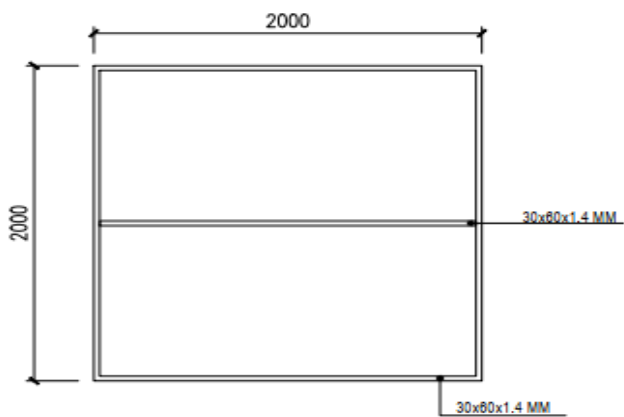
MẶT CẮT THÁP XỬ LÝ



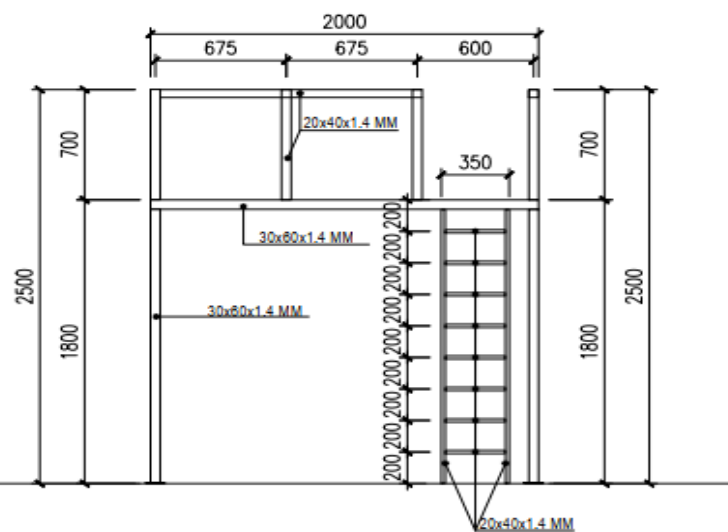
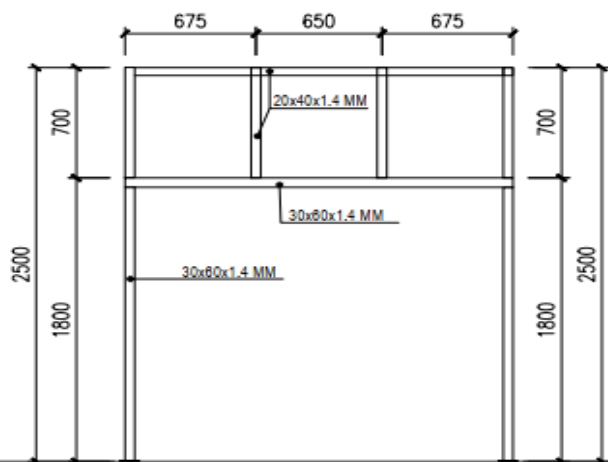
CHI TIẾT KHAY THAN

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU HÚT KHÍ





MẶT BẰNG KHUNG XƯƠNG SÀN THAO TÁC





VIMCERTS 255

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ CHUYÊN GIAO
CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trụ sở: Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội
 Địa chỉ giao dịch: Số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Email: trungtammoitruong.hung@gmail.com Tel: 0986 268 259



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH MTV bao bì DHT
 Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
 Địa điểm lấy mẫu : Dự án Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Tên mẫu : Không khí Số mẫu: 03
 Mã mẫu : K0322_23⁰¹⁻⁰³
 Ngày lấy mẫu : 23/03/2022 Ngày hoàn thành phân tích: 18/04/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			Phương pháp phân tích	QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3		
1	Nhiệt độ	°C	20,9	20,6	21,4	QCVN 46:2012/BTNMT	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	62,5	66,3	67,7	SOP.QT.KK.16	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	1,3	0,5	0,4	TCVN 7878-2:2010	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	60,8	65,4	63,4	CER/SOP-PT/K07	85 ⁽²⁾
5	CO	mg/m ³	5,250	5,460	6,575	TCVN 5971:1995	20
6	SO ₂	mg/m ³	0,370	0,460	0,694	TCVN 6137:2009	5
7	NO ₂	mg/m ³	0,355	0,435	0,689	TCVN 5067:1995	5
8	Bụi TSP	mg/m ³	0,224	0,941	0,896	NIOSH Method 1501	8 ⁽³⁾
9	VOCs	mg/m ³	KPH	KPH	KPH		-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + DHT-KK1: Khu vực nhà điều hành
- + DHT-KK2: Khu vực xưởng sợi, dệt
- + DHT-KK3: Khu vực xưởng may gia công.

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc).
- + ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- + ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- + ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Handwritten signature

Nguyễn Thị Thanh Hằng

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2022

TM. TRUNG TÂM



- (-): Không có quy định.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Pimcerts

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

GIÁM ĐỐC

Handwritten signature
 Trang: 1/1

BM/01-QĐ/02

Ban hành lần: 01



VIMCERTS 255

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ CHUYÊN GIAO
CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trụ sở: Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Email: trungtammoitruong.hung@gmail.com Tel: 0986 268 259



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH MTV bao bì DHT
Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt Số mẫu: 01
Mã mẫu : N0322_23⁰¹
Ngày lấy mẫu : 23/03/2022 Ngày hoàn thành phân tích: 18/04/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
			DHT - NTSH1		
1	pH	-	7,31	TCVN 6492:2011	5-9
2	TSS	mg/l	73	TCVN 6625:2000	100
3	BOD5	mg/l	31,3	TCVN 6001-1:2008	50
4	COD	mg/l	62,9	SMEWW 5220C:2017	-
5	Tổng dầu mỡ	mg/l	0,6	SMEWW 5520B&F:2017	20
6	Amoni	mg/l	4,08	TCVN 6179-1:1996	10
7	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.500	TCVN 6187-2:1996	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ DHT - NTSH1: Vị trí tại điểm xả thải sau xử lý.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Thanh Hằng

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2022

TM. TRUNG TÂM



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Minh

- (-): Không có quy định.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERTS

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ CHUYÊN GIAO
CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 Trụ sở: Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội
 Địa chỉ giao dịch: Số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Email: trungtammoitruong.humg@gmail.com Tel: 0986 268 259

VIMCERTS 255

Số: 08/08/06/22/MT.HUMG

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



Tên khách hàng : Công ty TNHH MTV bao bì DHT
 Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
 Địa điểm lấy mẫu : Dự án Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
 Tên mẫu : Không khí Số mẫu: 03
 Mã mẫu : K0622_08¹⁰⁻¹²
 Ngày lấy mẫu : 08/06/2022 Ngày hoàn thành phân tích: 20/06/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			Phương pháp phân tích	QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3		
1	Nhiệt độ	°C	28,5	30,3	30,2	QCVN 46:2012/BTNMT	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	68,4	66,6	65,2	SOP.QT.KK.16	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	0,4	0,4	TCVN 7878-2:2010	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dB(A)	63,8	65,9	64,5	CER/SOP-PT/K07	85 ⁽²⁾
5	CO	mg/m ³	5,180	5,885	5,250	TCVN 5971:1995	20
6	SO ₂	mg/m ³	0,318	0,561	0,384	TCVN 6137:2009	5
7	NO ₂	mg/m ³	0,304	0,544	0,369	TCVN 5067:1995	5
8	Bụi TSP	mg/m ³	0,613	0,977	0,884	NIOSH Method 1501	8 ⁽³⁾
9	VOCs	mg/m ³	KPH	KPH	KPH		-

Lưu ý:

Vị trí lấy mẫu:

- + DHT-KK1: Khu vực nhà điều hành
- + DHT-KK2: Khu vực xưởng sợi, dệt
- + DHT-KK3: Khu vực xưởng may gia công.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố ô nhiễm tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc).

QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2022

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

TM. TRUNG TÂM

Vũ Thị Cài



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Minh

Quy chuẩn quy định,

Chỉ số giá trị trên mẫu phân tích:

Đơn vị lấy mẫu, Phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được chứng minh.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

QĐ/02

Ban hành lần: 01

Trang: 1/1



VIMCERTS 255

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ CHUYÊN GIAO
CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở: Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Email: trungtammoitruong.hung@gmail.com Tel: 0986 268 259

Số: 09/08/06/22/MT-TP-2022

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



Tên khách hàng : Công ty TNHH MTV bao bì DHT
Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt Số mẫu: 01
Mã mẫu : N0622_08⁰⁶
Ngày lấy mẫu : 08/06/2022 Ngày hoàn thành phân tích: 20/06/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
			DHT - NTSHI		
1	pH	-	7,6	TCVN 6492:2011	5-9
2	TSS	mg/l	77	TCVN 6625:2000	100
3	BOD5	mg/l	32,4	TCVN 6001-1:2008	50
4	COD	mg/l	62,8	SMEWW 5220C:2017	-
5	Tổng dầu mỡ	mg/l	0,8	SMEWW 5520B&F:2017	20
6	Amoni	mg/l	4,15	TCVN 6179-1:1996	10
7	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.500	TCVN 6187-2:1996	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ DHT - NTSHI: Vị trí tại điểm xả thải sau xử lý.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Vũ Thị Cải

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2022

TM. TRUNG TÂM



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Minh

- (-): Không có quy định.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcerts

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ CHUYÊN GIAO
CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trụ sở: Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội
 Địa chỉ giao dịch: Số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
 Email: trungtammoitruong.humg@gmail.com Tel: 0986 268 259

VIMCERTS 255

Số: 01/09/08/22/MT.HUMG

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH MTV bao bì DHT
 Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
 Địa điểm lấy mẫu : Dự án Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container, và thiết bị ngành bao bì tại cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
 Tên mẫu : Không khí Số mẫu: 03
 Mã mẫu : K0822_09⁰¹⁻⁰³
 Ngày lấy mẫu : 09/08/2022 Ngày hoàn thành phân tích: 19/08/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			Phương pháp phân tích	QCVN 03:2019/BYT
			DHT-KK1	DHT-KK2	DHT-KK3		
1	Nhiệt độ	°C	29,2	31,1	31,6	QCVN	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	69	71,3	69,6	46:2012/BTNMT	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	0,5	0,5	SOP_QT.KK.16	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dB(A)	67,2	69,4	71,1	TCVN 7878-2:2010	85 ⁽²⁾
5	CO	mg/m ³	5,240	5,938	5,553	CER/SOP-PT/K07	20
6	SO ₂	mg/m ³	0,283	0,556	0,418	TCVN 5971:1995	5
7	NO ₂	mg/m ³	0,279	0,540	0,400	TCVN 6137:2009	5
8	Bụi TSP	mg/m ³	0,598	0,988	0,894	TCVN 5067:1995	8 ⁽³⁾
9	VOCs	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	NIOSH Method 1501	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + DHT-KK1: Khu vực nhà điều hành
- + DHT-KK2: Khu vực xưởng sợi, dệt
- + DHT-KK3: Khu vực xưởng may gia công.

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc).
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- + ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2022
 TM. TRUNG TÂM

Vu Thị Cài



- (-): Không có quy định.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận Pionaris

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

GIÁM ĐỐC



VIMCERTS 255

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ CHUYỂN GIAO
CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở: Ninh Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Email: trungtammoitruong.hung@gmail.com Tel: 0986 268 259

Số: 02/09/08/22/MT.HUMG

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH MTV bao bì DHT
Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Địa điểm lấy mẫu : Dự án Nhà máy sản xuất kinh doanh bao bì PP container và thiết bị ngành bao bì tại cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Tên mẫu : Nước thải sinh hoạt Số mẫu: 01
Mã mẫu : N0822_09⁰¹
Ngày lấy mẫu : 09/08/2022 Ngày hoàn thành phân tích: 19/08/2022



Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	Phương pháp phân tích	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
			DHT - NTSH1		
1	pH	-	7,3	TCVN 6492:2011	5-9
2	TSS	mg/l	75	TCVN 6625:2000	100
3	BOD5	mg/l	32,7	TCVN 6001-1:2008	50
4	COD	mg/l	63,4	SMEWW 5220C:2017	-
5	Tổng dầu mỡ	mg/l	0,6	SMEWW 5520B&F:2017	20
6	Amoni	mg/l	4,30	TCVN 6179-1:1996	10
7	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.400	TCVN 6187-2:1996	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ DHT - NTSH1: Vị trí tại điểm xả thải sau xử lý.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

TM.PHÒNG PHÂN TÍCH

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2022

TM. TRUNG TÂM


Vũ Thị Cải



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Minh

- (-): Không có quy định.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Các thông số đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMcerts

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 1315

Số: 10846/2023/PKQ.23.4688

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Chi nhánh số 2 Công ty TNHH Một thành viên Bao bì DHT
Địa chỉ	Lô F2, Cụm CN Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Khu vực nhà điều hành. Toạ độ: X=21.649773, Y=105.381672 KLV.02: Khu vực xưởng sợi, dệt. Toạ độ: X=21.649978, Y=105.381644
Ngày quan trắc	09/10/2023
Ngày phân tích	09/10/2023 đến 18/10/2023
Ngày trả kết quả	18/10/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,5	31,3	16 ÷ 34 ^a
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	65,3	67,3	40 ÷ 80 ^a
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5 ^a
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	53,0	76,4	85 ^b
5	CO	mg/m ³	TN/K.06	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	40
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	<0,027	0,035	10
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971: 1995	0,033	0,041	10
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m ³	TCVN 5067: 1995	0,169	0,181	8 ^c
9	Benzen	mg/m ³	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	15



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

ĐIỀU TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 10846/2023/PKQ.23.4688

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10848/2023/PKQ.23.4688

VILAS 1315

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Chi nhánh số 2 Công ty TNHH Một thành viên Bao bì DHT
Địa chỉ	Lô F2, Cụm CN Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Vị trí tại điểm xả thải sau xử lý. Toạ độ: X=21.649917, Y=105.382749
Ngày quan trắc	09/10/2023
Ngày phân tích	09/10/2023 đến 18/10/2023
Ngày trả kết quả	18/10/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,20	5 ÷ 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	100
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	10	-
4	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B:2017	4	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	<0,6	10
6	Tổng Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	460	5.000
7	Tổng dầu mỡ ^(***)	mg/L	SMEWW 5520B: 2017	1,5	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- (-): Không quy định; - "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- (***) : Thông số tự thực hiện, không được quy định theo các văn bản QPPL hiện hành của BTNMT ban hành trong lĩnh vực quan trắc.

Bắc Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Chí Vinh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quý khách hàng vui lòng liên hệ để được tư vấn chi tiết.



